

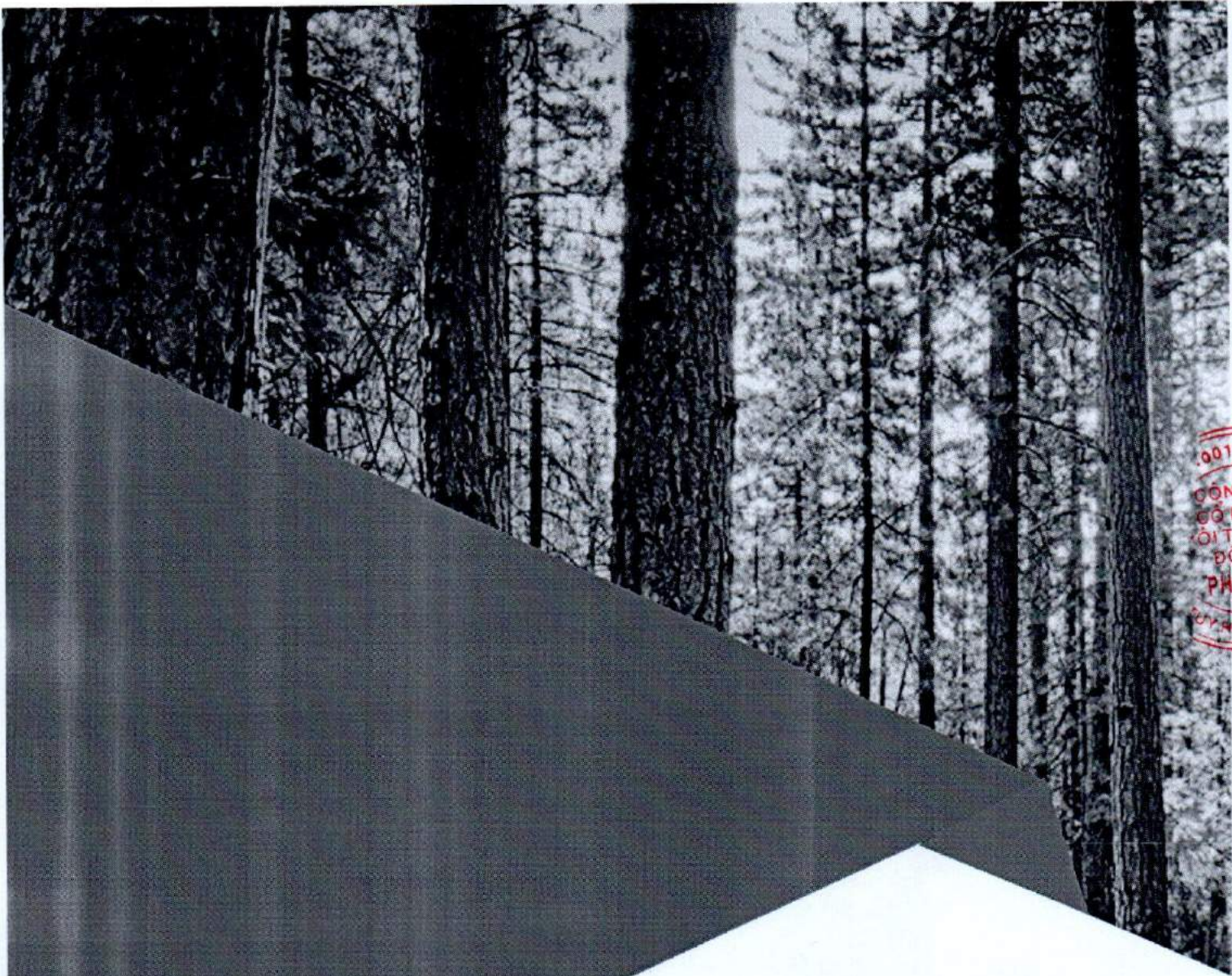
2019
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

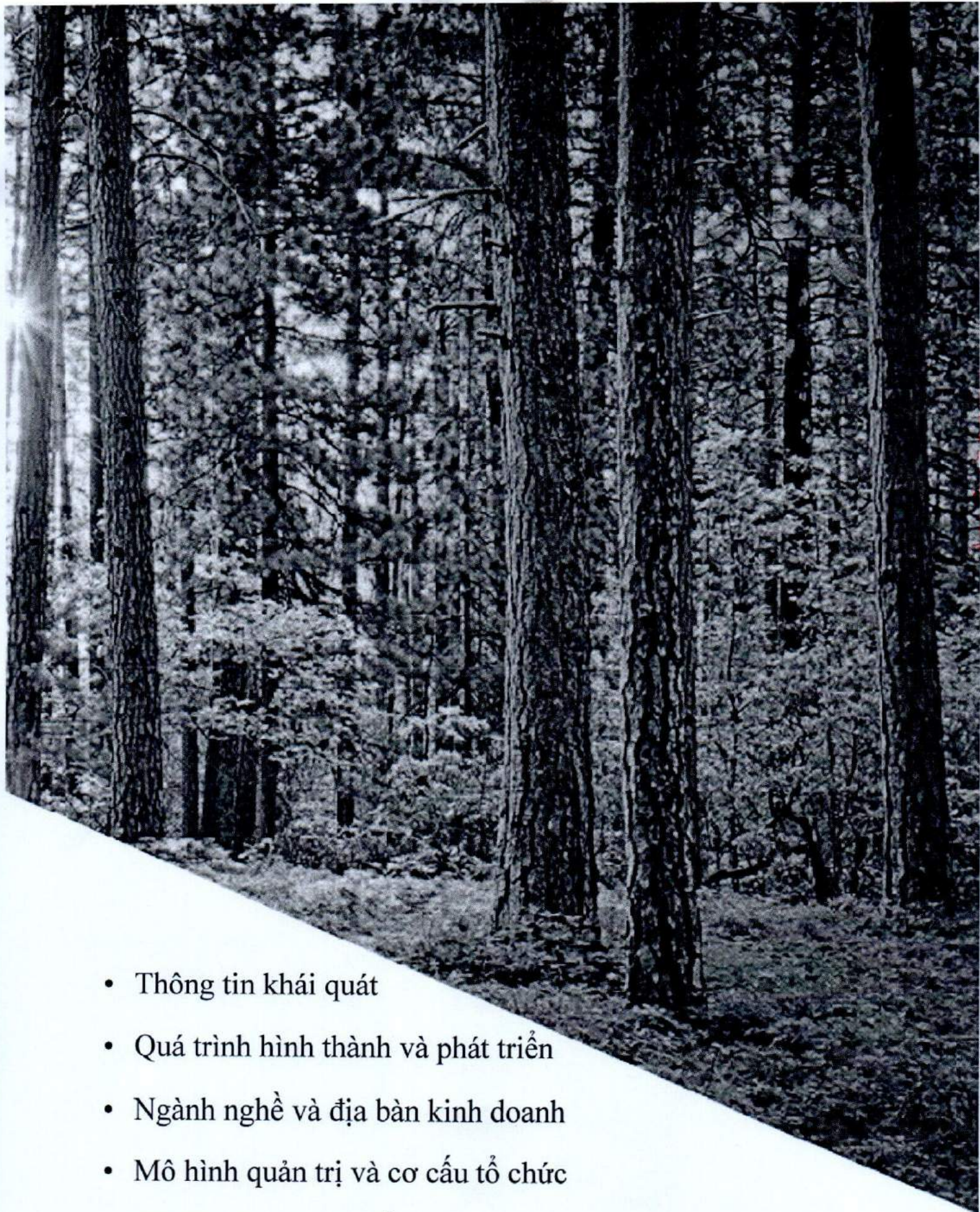
MỤC LỤC

	<u>Phần</u>
<hr/> THÔNG TIN CHUNG <hr/>	<hr/> 01 <hr/>
<hr/> TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM <hr/>	<hr/> 02 <hr/>
<hr/> BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC <hr/>	<hr/> 03 <hr/>
<hr/> BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ <hr/>	<hr/> 04 <hr/>
<hr/> QUẢN TRỊ CÔNG TY <hr/>	<hr/> 05 <hr/>
<hr/> BÁO CÁO TÀI CHÍNH <hr/>	<hr/> 06 <hr/>





01 THÔNG TIN CHUNG

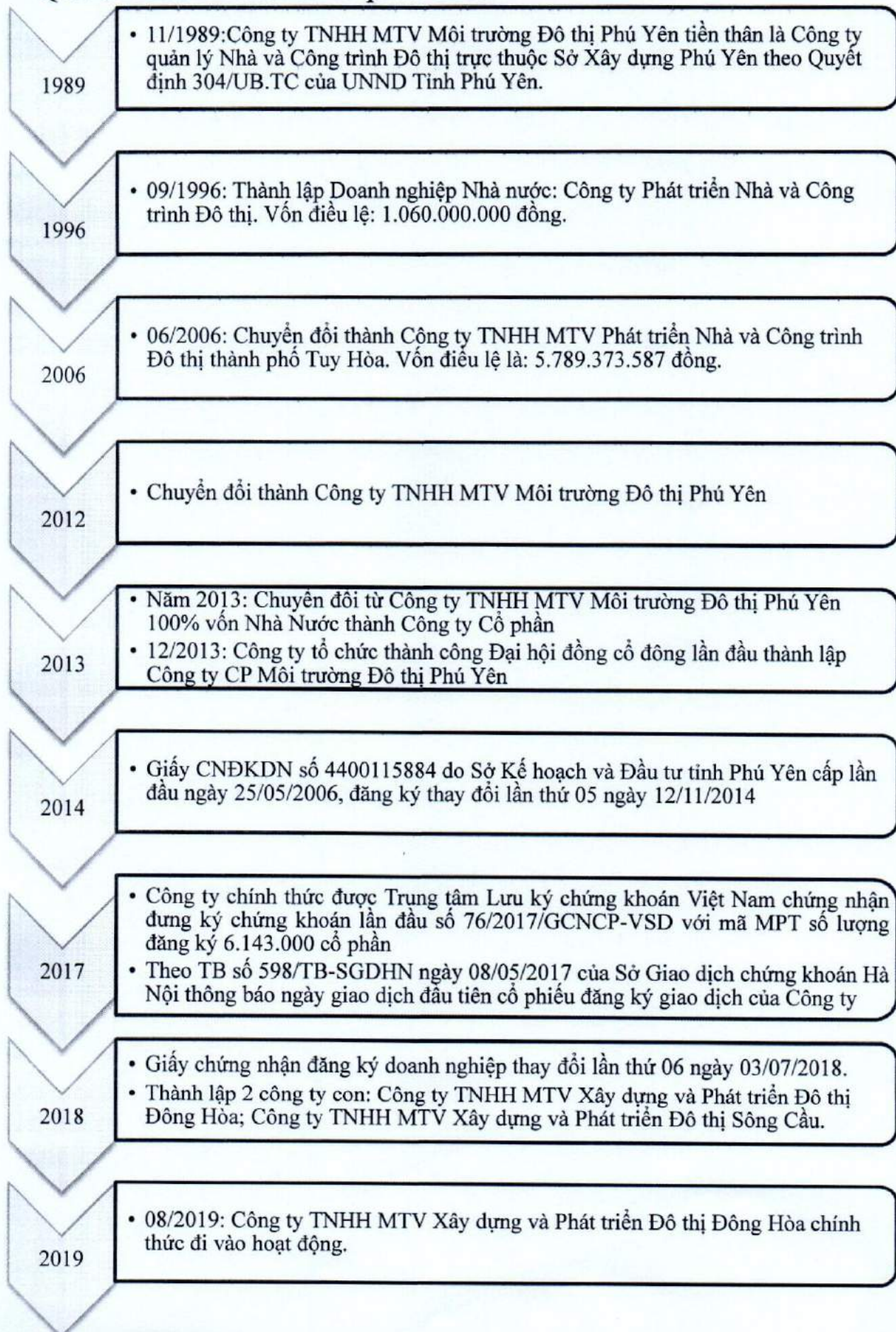


- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

- Thông tin khái quát

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên
Mã chứng khoán	MPY
Giấy CNĐKKD số	Số 4400115884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 25/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 03/07/2018
Vốn điều lệ	61.430.000.000 đồng
Địa chỉ	Số 72 Tân Đà, Phường 1, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Số điện thoại	(0257) 3 666 077
Số Fax	(0257) 3 829 762
Website	www.mtdtphuyen.com.vn

• Quá trình hình thành và phát triển



K.C.P.

M.S.D.N.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành nghề kinh doanh

Cung cấp dịch vụ công ích

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác;
- Quản lý, chăm sóc hệ thống cây xanh công cộng;
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng nội thành.

Hàng hóa, thành phẩm

- Sản xuất xe thu gom rác đẩy tay bằng chất liệu sắt, tol;
- Xây dựng hộc mộ để phục vụ mai táng;
- Sản xuất cây xanh thành phẩm;
- Sản phẩm: Bonsai, cây bụi, cây gỗ lớn, giỏ treo hoa kiểng, sản phẩm môi trường và các sản phẩm khác.



Dịch vụ khác

Dịch vụ vệ sinh, dịch vụ cây xanh, thi công các công trình cây xanh:

- Thi công công trình trồng hoa, cây cảnh, hệ thống tưới nước cây cho các cơ quan, công viên, quảng trường trong nội thành và các huyện lân cận; Tư vấn cho những khách hàng có nhu cầu về chăm sóc cây cảnh, trồng cây bonsai;
- Tư vấn về lập hồ sơ mời thầu: Dịch vụ thiết kế cây xanh đô thị, công viên, quảng trường, kiến trúc xanh, kiến trúc cảnh quan;
- Phục vụ xe tang lễ, phục vụ an táng;
- Cho thuê xe tang, xe chở nước, cây cảnh trang trí hội nghị.
- Mua bán cây cảnh.
- Thiết kế đường phố.
- Thiết kế sân vườn.
- Thiết kế tiểu cảnh.



Địa bàn kinh doanh

Công ty thực hiện những công trình dịch vụ công ích trên đại bàn Thành phố Tuy Hòa và khu vực lân cận của Tỉnh Phú Yên.



11588
CÔNG TY
PHÂN
TRÚC
THỊ
PHÚ YÊN
ĐA.T.P

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo quy định Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan:

Đại hội đồng cổ đông:

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đương nhiệm có 03 thành viên.

Ban giám đốc:

Bao gồm 01 giám đốc, 01 phó giám đốc. Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó giám đốc giúp việc cho Giám đốc phụ trách về lĩnh vực kinh doanh. Bên cạnh đó, Kế toán trưởng giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính, có chức năng, nhiệm vụ điều hành, tổ chức công tác tài chính, kế toán của công ty theo quy định của Luật Kế toán và các quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đương nhiệm có 02 thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên chuyên trách không tham gia điều hành và 01 thành viên kiêm nhiệm (không phải ở bộ phận kế toán của Công ty).

Các phòng ban chức năng:

04 Phòng chức năng phụ trách từng mảng lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ:

- Phòng Kỹ thuật
- Phòng Kế hoạch – Kinh doanh
- Phòng Kế toán – Tài vụ
- Phòng Tổ chức – Hành chính

CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG CẦU

Địa chỉ: KP Long Phước Đông, Phường Xuân Phú, TX Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Ngành nghề kinh doanh chính: Thu gom rác thải không độc hại.

Vốn điều lệ : 4.500.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên sở hữu 100% vốn điều lệ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐÔNG HÒA

Địa chỉ: Khu phố 2, Thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, Phú Yên.

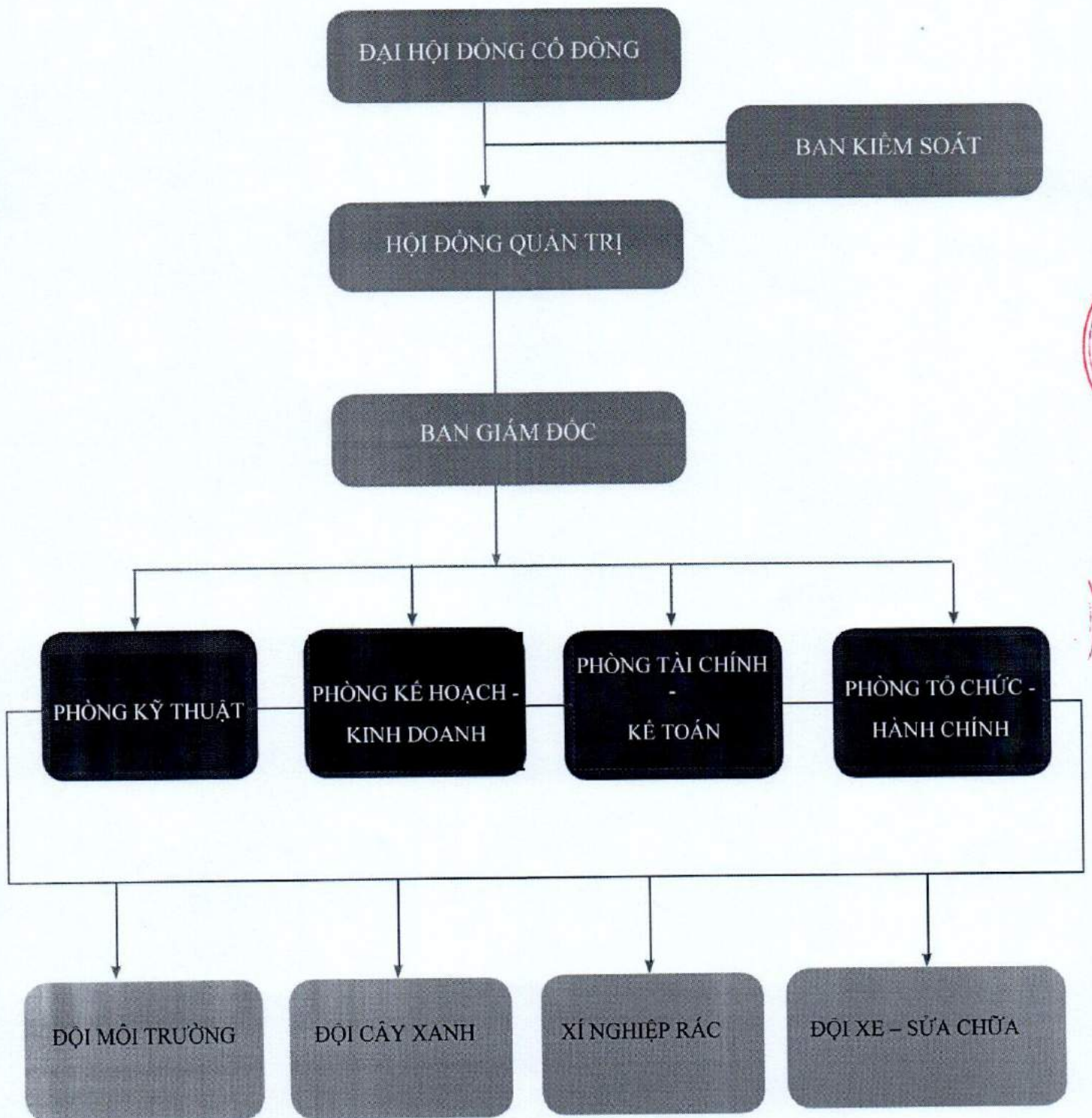
Vốn điều lệ : 4.500.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính: Thu gom rác thải độc hại.

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên sở hữu 100% vốn điều lệ.



SƠ ĐỒ CHỨC





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tập trung năng lực, kinh nghiệm, phương tiện, trang thiết bị sẵn có để dồn sức phục vụ góp phần đẩy nhanh tiến độ chỉnh trang đô thị, để Thành phố Tuy Hòa xứng tầm là Thành phố văn hóa, xanh – sạch – đẹp, thân thiện và phấn đấu xây dựng đạt chuẩn đô thị loại I trước năm 2025;
- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các chủ đầu tư để nắm bắt kịp thời các thông tin về các dự án đầu tư xây dựng, các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ công ích, tạo thị trường ổn định trong sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng, giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc nhằm tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài, và vững chắc nhằm tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- Hướng tới sự thu hút và tập trung các nguồn vốn xã hội: phát hành thêm cổ phiếu, mở rộng bán cổ phần cho các chủ sở hữu trong và ngoài doanh nghiệp, đồng thời cho phép khai thác được các nguồn vốn nội bộ một cách hiệu quả.

Các mục tiêu phát triển bền vững



- Xây dựng và duy trì vẻ mỹ quan đô thị của tỉnh Phú Yên, từng bước mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh đến các huyện và tỉnh lân cận.
- Xây dựng những chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng cho cán bộ, công nhân viên chức trong công ty.
- Tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động tình nguyện, hoạt động Đền ơn đáp nghĩa,... để góp phần giúp đỡ và cải thiện đời sống người dân địa phương.
- Tổ chức và tham gia các hoạt động nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ và làm sạch môi trường sông, góp phần duy trì vẻ đẹp đô thị tỉnh Phú Yên.

44001
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN BANG
VIỆT NAM

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Chiến lược đào tạo nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nội lực của Công ty bằng việc chú trọng đào tạo cán bộ trẻ, thực hiện những chính sách đãi ngộ nhằm giữ chân người giỏi và thu hút nguồn lao động có chuyên môn.

Chiến lược về chất lượng sản phẩm dịch vụ

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hiện có và triển khai mở rộng các loại dịch vụ này tới các các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Chiến lược cạnh tranh

- Lấy chất lượng dịch vụ, thái độ phục vụ khách hàng và giá hợp lý làm lợi thế cạnh tranh. Tập trung cải thiện chăm sóc khách hàng bằng cách tổ chức hội nghị khách hàng để lắng nghe ý kiến đóng góp khách hàng nhằm hoàn thiện dịch vụ, sản phẩm của Công ty.

Chiến lược về khoa học công nghệ

- Ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình hoạt động, cung ứng dịch vụ của công ty nhằm đảm bảo giá thành hợp lý, rút ngắn thời gian cung ứng, đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Chiến lược tài chính

- Tập trung thu hút nguồn vốn từ các nhà đầu tư nhằm phát triển cơ sở vật chất, các thiết bị máy móc hoạt động trong lĩnh vực môi trường, dịch vụ công ích. Cân đối nguồn vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn nhằm đảm bảo ổn định tài chính, phù hợp với mục tiêu phát triển của công ty trong dài hạn.

Chiến lược đầu tư

- Tập trung nguồn lực vào các ngành nghề chính của Công ty thuộc lĩnh vực môi trường, dịch vụ công ích. Ngoài ra, Công ty sẽ cân nhắc mở rộng đầu tư sang những lĩnh vực khác có liên quan nhằm đa dạng nguồn khách hàng, nâng cao doanh thu cho công ty.

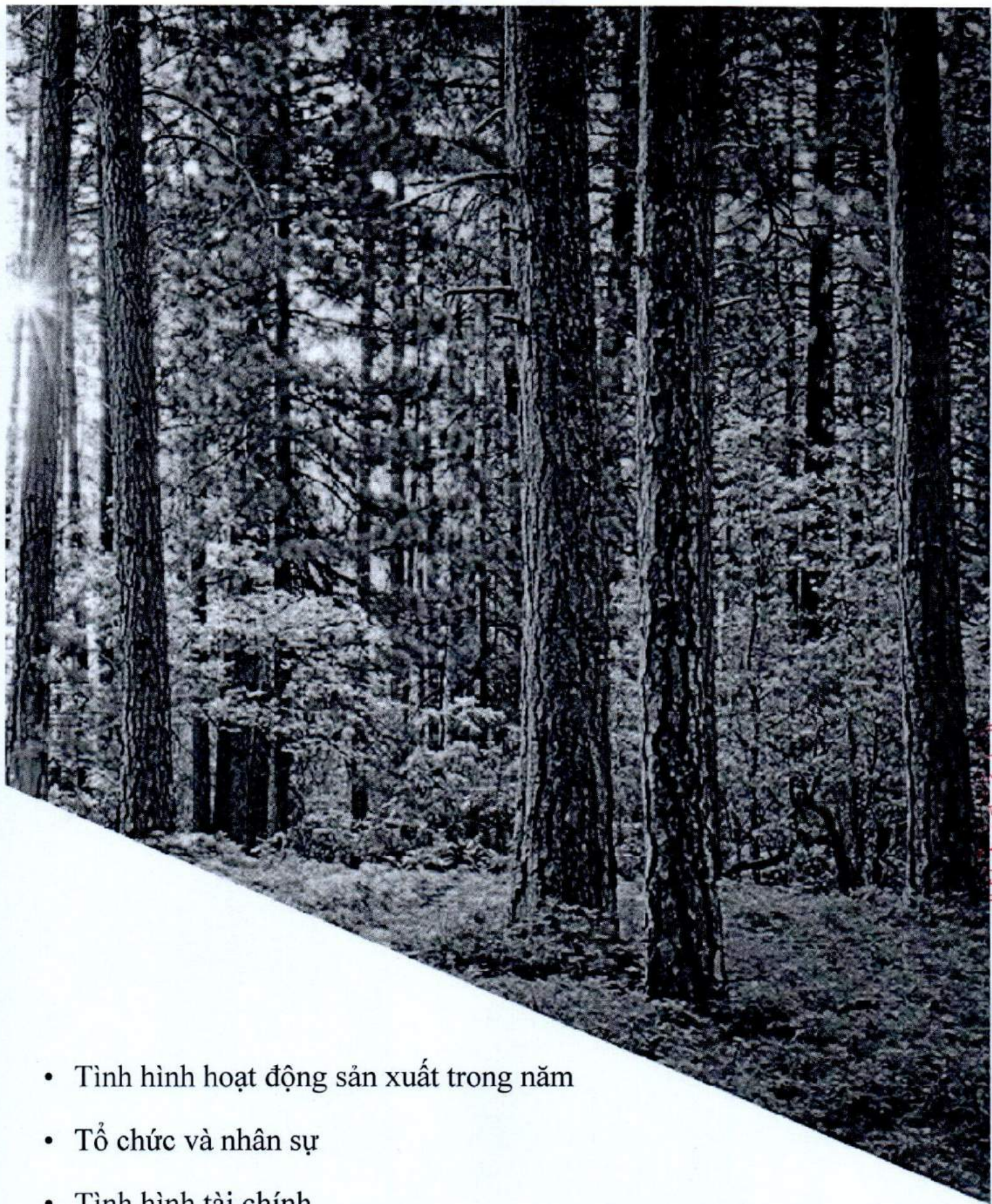
158
G T
H A
R U
T H
Y E
A . T . P

CÁC RỦI RO

- Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ công ích nên ít chịu tác động trực tiếp từ các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Công ty luôn theo sát những thay đổi từ nền kinh tế vĩ mô để có thể ứng phó kịp thời với những biến động, đồng thời tìm kiếm cơ hội từ làn sóng đầu tư vào Việt Nam, mở rộng nguồn khách hàng mới cho Công ty.
- Hiện nay, đơn giá đầu ra của dịch vụ công ích vẫn còn bị kiểm soát bởi các cơ quan ban ngành. Trong khi đó, chi phí nhân công, chi phí vật tư, thiết bị, công cụ đầu vào để sản xuất, cung cấp dịch vụ lại có xu hướng tăng. Điều này khiến những doanh nghiệp hoạt động trong ngành dịch vụ công ích nói chung và Công ty nói riêng gặp khó khăn trong việc cân đối chi phí để tạo ra lợi nhuận mục tiêu.
- Chính phủ đã chỉ đạo UBND các địa phương tích cực áp dụng hình thức đấu thầu trong việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ công ích, nhằm khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân, hướng đến sự cải thiện chất lượng dịch vụ. Trước thực tế này, Công ty sẽ phải đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng trong ngành. Điều này đòi hỏi Công ty phải tăng cường thu hút vốn, đẩy mạnh cải tiến công nghệ và nâng cao chất lượng dịch vụ để giữ vững vị thế sẵn có trước các đối thủ cạnh tranh. Thành phố Tuy Hòa, địa bàn hoạt động chính của Công ty nằm ở hạ lưu sông Đà Rằng, nên chất thải từ thượng nguồn và chất thải tại chỗ có xu hướng tích tụ với số lượng lớn. Bên cạnh đó, thành phố Tuy Hòa đang trong quá trình cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, hướng đến mục tiêu trở thành Đô thị loại I trước năm 2025. Quá trình này khiến hoạt động thu gom rác thải của Công ty gặp nhiều khó khăn.
- Hoạt động trong lĩnh vực môi trường đô thị, Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên luôn ý thức thực hiện trách nhiệm trong vấn đề bảo vệ môi trường sống của cộng đồng dân cư, góp phần xây dựng vẻ đẹp đô thị xanh – sạch – đẹp cho thành phố Tuy Hòa. Thực tế, công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của Công ty dễ gây ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân. Do đó, Công ty đã nỗ lực để hạn chế mức độ ảnh hưởng đó bằng các biện pháp như: thường xuyên bảo dưỡng trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phối hợp với UBND thành phố Tuy Hòa trồng thêm cây xanh và xây tường rào ở bãi rác, đề xuất các biện pháp nâng sức chứa cho bãi rác Thọ Vực.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, để tránh xảy ra các rủi ro gây ô nhiễm môi trường, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn chú trọng đến việc đầu tư các thiết bị ít tiêu hao năng lượng, thân thiện với thiên nhiên, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh lao động, giảm thiểu tác hại đến môi trường sống xung quanh địa bàn Công ty hoạt động.



02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- Tình hình hoạt động sản xuất trong năm
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo phát triển bền vững

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

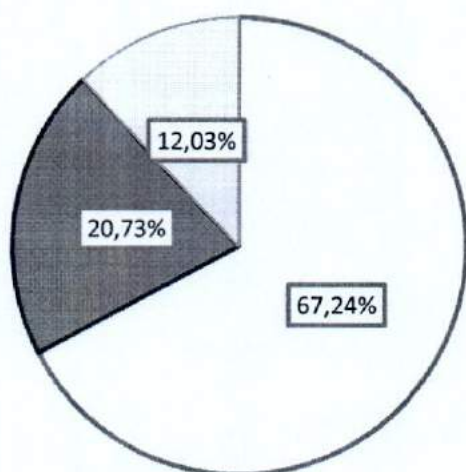
Tình hình hoạt động trong năm

Cơ cấu doanh thu thuần:

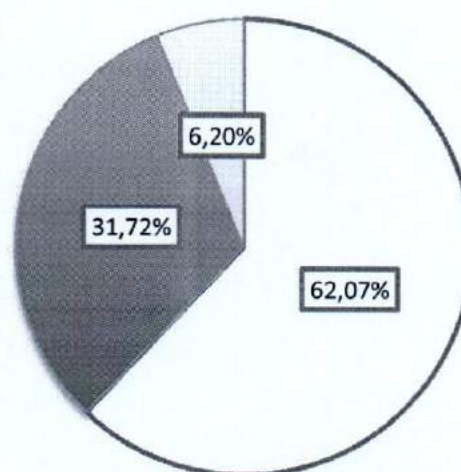
ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu cung cấp dịch vụ công cộng	42.469	67,24%	52.185	62,07%
Doanh thu cung cấp dịch vụ công trình	13.091	20,73%	26.669	31,72%
Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ khác	7.598	12,03%	5.214	6,20%
Tổng cộng	63.157	100%	84.068	100%

Năm 2018



Năm 2019



- Dịch vụ công cộng
- Dịch vụ công trình
- Sản phẩm dịch vụ khác

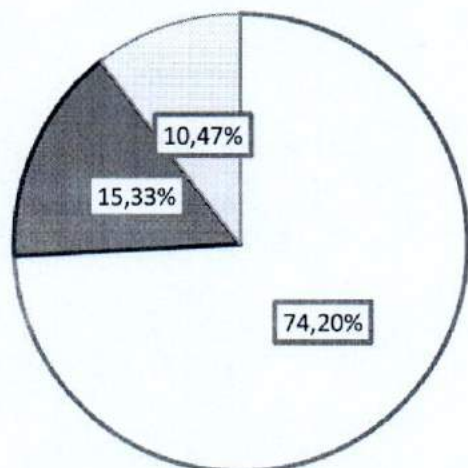
884
TỶ
AN
JON
THI
YEN
A.T.P

Cơ cấu lợi nhuận gộp:

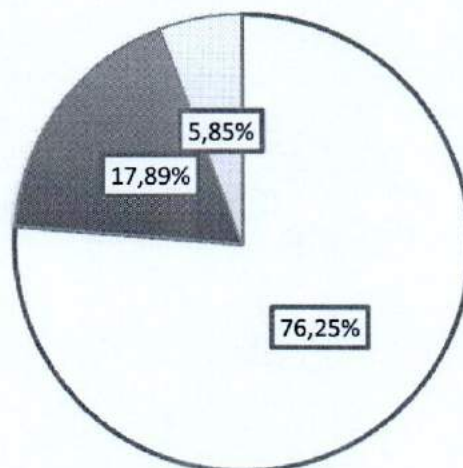
ĐVT: triệu đồng


Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ công cộng	9.284	74,20%	12.050	76,25%
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ công trình	1.918	15,33%	2.828	17,89%
Lợi nhuận cung cấp sản phẩm dịch vụ khác	1.310	10,47%	925	5,85%
Tổng cộng	12.512	100%	15.803	100%


Năm 2018



Năm 2019



 Dịch vụ công cộng

 Dịch vụ công trình

 Sản phẩm dịch vụ khác

Trong năm 2018 và 2019, đóng góp chính trong cơ cấu doanh thu của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên là hoạt động cung cấp Dịch vụ công ích lần lượt đạt 42,47 tỷ đồng và 52,19 tỷ đồng, chiếm 67,24% và 62,07% tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu. Nhìn chung, với tình hình Nhà nước khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu đối với các hợp đồng dịch vụ công ích nhằm thu hút sự tham gia từ các doanh nghiệp tư nhân, nâng cao tính cạnh tranh và cải thiện chất lượng dịch vụ, nhưng doanh thu của Công ty vẫn được tăng 9,72 tỷ đồng so với năm trước, tương ứng với mức tăng 22,88%. Điều này cho thấy Công ty đã không ngừng nỗ lực hết mình trong việc tìm kiếm doanh thu và đảm bảo lợi nhuận cho công ty.

Trong năm 2019, Công ty cũng thi công nhiều công trình, thể hiện qua doanh thu từ thi công công trình năm 2019 đạt 26,67 tỷ đồng, cao hơn 13,578 tỷ đồng so với năm 2018, tăng 104%. Lợi nhuận gộp từ hoạt động thi công công trình cũng tăng 910 triệu đồng so với năm 2018, tương ứng mức tăng 47,45%. Bên cạnh đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác đạt 5,21 tỷ đồng, giảm 2,4 tỷ đồng so với năm trước.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Trần Minh Hoàng	Giám đốc
2	Nguyễn Quang Nguyên	Phó Giám đốc
3	Phan Trọng Thư	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

Ông Trần Minh Hoàng – Giám đốc	
Năm sinh	02/12/1976
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Lâm học
Quá trình công tác	
Từ 08/2002-10/2002	Nhân viên Phòng dự án Trung tâm ứng dụng Sở Khoa học công nghệ và môi trường
Từ 11/2002-10/2010	Nhân viên Phòng KH-KT Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ 11/2010-2013	Phó phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ 2014-2016	Phó phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ 01/2017-06/2018	Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ 07/2018 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên
Số cổ phiếu nắm giữ	3.139.930 cổ phần, chiếm 51,11% vốn điều lệ
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	7.000 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	3.132.930 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Quang Nguyên – Phó Giám đốc	
Năm sinh	20/10/1982
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông
Quá trình công tác	
Từ 06/2005-12/2016	Nhân viên Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ 01/2017-06/2018	Phó Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ 07/2018-02/2020	Phó phòng Kỹ thuật Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ 03/2020 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên
Số cổ phiếu nắm giữ	2.474.970 cổ phần, chiếm 40,3% vốn điều lệ
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	5.800 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	2.474.970 cổ phần, chiếm 40,3% vốn điều lệ

Ông Phan Trọng Thư – Kế toán trưởng	
Năm sinh	10/10/1968
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
Từ 12/1989-09/1990	Cán bộ Sở Tài chính vật giá Phú Yên
Từ 10/1990-08/1998	Cán bộ Cục Thuế tỉnh Phú Yên
Từ 09/1998-09/2000	Kế toán trưởng Công ty Xuất nhập khẩu Điện tử Điện máy Phú Yên
Từ 10/2000-09/2006	Phụ trách kế toán trung tâm UD & CNCN Phú Yên – Sở KH-CN
Từ 10/2006 – 09/2009	Kế toán trưởng Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Phú Yên
Từ 10/2009-07/2015	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Phú Yên
Từ 08/2015-10/2015	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH

0011
CỘNG
CỔ PH
HỘI TR
ĐỒ
PHỤ
TƯ HỒ

	MTV Cấp thoát nước Phú Yên
Từ 11/2015-12/2015	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP Cấp thoát nước Phú Yên
Từ 01/2016-02/2018	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc, phụ trách kế toán Công ty CP Cấp thoát nước Phú Yên; Giám đốc Xí nghiệp tư vấn Xây lắp Cấp thoát nước.
Từ 02/2019 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên
Số cổ phiếu nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phạm Quốc Duy	Phó Giám đốc	29/06/2018	05/03/2020
2	Nguyễn Quang Nguyên	Phó Giám đốc	05/03/2020	
3	Đỗ Thị Ngọc Huyền	Kế toán trưởng	31/12/2013	20/02/2019
4	Phan Trọng Thư	Kế toán trưởng	20/02/2019	
5	Huỳnh Kim Quốc	Thành viên Ban kiểm soát – Phó phòng Kỹ thuật	29/06/2018	01/03/2020

Số lượng cán bộ nhân viên

Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2019

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	305	100%
	Trình độ đại học, trên đại học	26	8,41%
	Trình độ cao đẳng	3	0,98%
	Trình độ Trung cấp	14	4,59%
	Công nhân Kỹ thuật	26	8,52%
	Lao động phổ thông	236	77,38%
II	Theo giới tính	305	100%
	Nam	166	54,43%
	Nữ	139	45,57%
III	Theo loại hợp đồng lao động	305	100%
	Hợp đồng không giới hạn	197	64,59%
	Hợp đồng có thời hạn từ 1 đến 3 năm	20	6,56%
	Hợp đồng có thời hạn dưới 1 năm	90	29,51%

Thu nhập bình quân của người lao động

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	5.659.641	5.128.927	6.043.564

Các chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất kinh doanh thì cán bộ công nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực



C.T.C.T
3
EN

lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Công ty xây dựng chính sách lương thưởng, phúc lợi phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ các quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo cấp bậc và tay nghề.

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài

Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các cán bộ công nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân CBCNV lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho công ty.

Đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của CBCNV, từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.



CÔNG TY CON

Trong năm 2019, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa đã đi vào hoạt động từ tháng 08/2020. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là: Thu gom rác, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình điện chiếu sáng...

Tổ chức nhân sự

Ông Phù Đôn Luân - Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng & Phát triển Đô thị Đông Hòa	
Năm sinh	21/08/1970
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng giao thông; Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
Từ 09/1998 - 09/2018	Nhân viên Kỹ thuật Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ 10/2018 đến nay	Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng & Phát triển Đô thị Đông Hòa
Số cổ phiếu nắm giữ	3.400 cổ phần, chiếm 0,05 % vốn điều lệ
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	3.400 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019
1	Tổng tài sản	Đồng	2.112.338.517
2	Doanh thu thuần	Đồng	1.277.737.332
3	Giá vốn hàng bán	Đồng	950.593.523
4	Lợi nhuận từ HĐKD	Đồng	206.778.761
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	165.335.009



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	% tăng giảm
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	70.781	86.773	22,59%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	63.157	84.068	22,11%
3	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	50.646	68.266	34,79%
4	Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	6.040	7.146	18,32%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.846	5.507	13,62%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	12,09	4,13
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	10,57	3,22
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số nợ/tổng tài sản	%	7,11	22,13
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	7,65	28,42
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,57	6,69
2	Vòng quay tài sản	Vòng	0,88	1,07
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	7,67	6,55
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân) - ROE	%	7,30	8,26
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản (bình quân) - ROA	%	6,74	6,99
4	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	9,56	8,50



Về khả năng thanh toán



Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán cho biết năng lực thanh toán các nghĩa vụ phải trả khi tới hạn. Năm 2019, các chỉ tiêu này thay đổi đáng kể. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 12,09 lần tại năm 2018 xuống còn 4,13 lần tại năm 2019, giảm tương ứng 7,96 lần. Tuy nhiên, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán tại mức độ an toàn, một đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo bởi 4,13 đồng tài sản ngắn hạn. Hệ số thanh toán nhanh năm 2019 là 3,22 lần, giảm 7,35 lần so với năm 2018. Tuy giảm đáng kể nhưng khả năng thanh toán nhanh vẫn đảm bảo.

Về Cơ cấu vốn



Chỉ tiêu hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng đáng kể. Trong năm 2018, 2 chỉ số này ở mức thấp lần lượt là 7,11% và 7,65%. Tuy nhiên, trong năm 2019, chỉ số nợ/tổng tài sản tăng lên 22,13%, và chỉ tiêu hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng lên là 28,42%. Điều này cho thấy công ty đã quan tâm đến việc sử dụng đòn bẩy cho chiến lược kinh doanh của công ty. Các khoản mục nợ ngắn hạn như phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng cao so với năm 2018. Tuy nhiên, cơ cấu vốn của Công ty tại thời điểm hiện nay vẫn được duy trì tại mức độ an toàn và bền vững.

Về năng lực hoạt động



Chỉ tiêu số vòng quay hàng tồn kho phản ánh số lần luân chuyển hàng tồn kho bình quân trong kỳ. Trong năm 2019, vòng quay hàng tồn kho là 6,69 vòng, giảm 2,88 vòng so với năm 2018. Điều này cho thấy trong năm 2019, Công ty đã quản lý hàng tồn kho hiệu quả hơn so với năm 2018. Bên cạnh đó, vòng quay tài sản năm 2019 là 1,07, tăng 0,19 vòng so với năm 2018..

Về khả năng sinh lời



Các chỉ số ROA và ROE trong năm 2019 lần lượt là 6,99% và 8,26%, tăng so với năm 2018. Cứ 100 đồng tài sản tạo ra 6,99 đồng lợi nhuận và 100 đồng vốn chủ sở hữu tạo ra được 8,26 đồng lợi nhuận. Điều này cho thấy hiệu quả sử dụng vốn của công ty đang được cải thiện tích cực.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Vốn điều lệ: 61.430.000.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 6.143.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông: 6.143.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 6.143.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2019

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	263	6.143.000	100,00
	- Nhà nước	1	5.607.900	91,29
	- Tổ chức	1	20.000	0,33
	- Cá nhân	261	515.100	8,38%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu: Trong 2019 Công ty không thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu.

Các giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

Các chứng khoán khác: Không.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các khoản đầu tư năm 2019

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện đầu tư mua sắm thiết bị mới để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

STT	Tài sản cố định	Số lượng	Thành tiền (triệu đồng)
1	Xe ép cuốn rác 15m ³	1	1.993
2	Xe ép cuốn rác 9m ³	02	2.967
3	Xe đào bánh xích gầu 0,3m ³	1	550
4	Xe cầu	1	2.863
6	Xe tải	1	1.077
Tổng cộng		06	9.450

Trong năm 2020, Công ty dự định thực hiện đầu tư như sau:

STT	Tài sản cố định	Thành tiền (triệu đồng)
1	Mua sắm mới 01 xe quét đường 04m ³	4.000
2	Sửa chữa văn phòng làm việc	2.000
3	Sửa chữa nhà để xe và hệ thống thoát nước tại 20 Nguyễn Trung Trực	1.000
Tổng cộng		7.000

Nguồn kinh phí thực hiện từ vốn tái đầu tư và phát triển của doanh nghiệp. Các hạng mục đầu tư phải tuân thủ đúng và theo kế hoạch hàng năm đã được Công ty phê duyệt. các dự án khi đưa vào hoạt động đều phát huy được hiệu quả và mục tiêu đầu tư.

BÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn vật liệu

Trong năm 2019, công ty chi hơn 2.643.226.958 đồng cho nguyên vật liệu thô và nhiên liệu phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ

Hoạt động trong lĩnh vực công ích, Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế, tái sử dụng được. Bên cạnh đó, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.

Tiêu thụ năng lượng

Để vận hành các hệ thống máy móc chuyên dụng, thiết bị tại Xí nghiệp xử lý rác thải, cũng như giúp vận chuyển hàng hóa vật tư cây xanh, thu gom rác thải về bãi rác để xử lý, lưu trữ và bảo quản nguyên vật liệu, công ty đã sử dụng nguyên năng lượng tiêu thụ chủ yếu từ điện năng, các loại xăng dầu,.... Tổng chi phí sử dụng trong năm là 2.992.071.574 đồng, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Tiêu thụ	Thành tiền (đồng)
Tổng xăng tiêu thụ (lít)	11.102	2.442.784.728
Tổng dầu tiêu thụ (lít)	163.338	200.442.230
Tổng nhớt tiêu thụ (lít)	1.683	111.529.754
Tổng điện năng tiêu thụ (Kwh)	141.000	237.314.862

Để nâng cao nhận thức cán bộ, công nhân viên Công ty sử dụng năng lượng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động đến môi trường sống, Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm khuyến khích người lao động đóng góp sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Tiêu thụ nước

STT	Loại hoạt động	Tổng lượng nước đã sử dụng (lít)	Tỷ trọng
1	Gián tiếp	513	8,23%
2	Trực tiếp	5.718	91,77%
Tổng cộng		6.231	100%

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường và không để xảy ra bất kỳ trường hợp vi phạm nào.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Bên cạnh các mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động và cổ đông, công ty cũng ý thức chia sẻ trách nhiệm với sự phát triển của cộng đồng.
- Công ty tích cực tham gia các phong trào tình nguyện và các chương trình từ thiện tại địa phương nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư xung quanh địa bàn công ty hoạt động.
- Công ty cũng cung tay với cả nước trong các hoạt động hỗ trợ đồng bào vùng bão lũ, thiên tai và các hoạt động hướng về biển đảo quê hương.
- Những hoạt động cụ thể mà công ty đã thực hiện như: tinh thần tương thân tương ái trong CNVCLĐ quyên góp thành lập quỹ tương trợ giúp cho các gia đình người lao động trong công ty có hòa cảnh đặc biệt khó khăn, vận động, ủng hộ, đóng góp các quỹ “Mái ấm công đoàn”, “Quỹ đền ơn, đáp nghĩa”, “Quỹ vì người nghèo”, “Quỹ bảo trợ trẻ em”; “Quỹ phụ nữ, trẻ em nghèo”, “Tấm lười nghĩa tình Hoàng Sa, Trường Sa”, hiến máu tình nguyện, ủng hộ đồng bào bị bão lụt.

Chính sách liên quan người lao động

- Nhận thức chất lượng nguồn nhân lực là động lực phát triển lâu dài, công ty đã có những chính sách thu hút, đào tạo và giữ chân nhân tài.
- CBCNV công ty được làm việc trong môi trường văn phòng, nhà xưởng khang trang, thoáng mát, lực lượng lao động trực tiếp được trang bị phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.
- Công ty có chính sách trả lương theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho CBCNV.





4400
CỔ
CỔ
MÔ
T. T. T. T. T.

03

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



158
NG T
PHÁ
TRÚC
ĐỒ TH
HỊ Y
HÓA

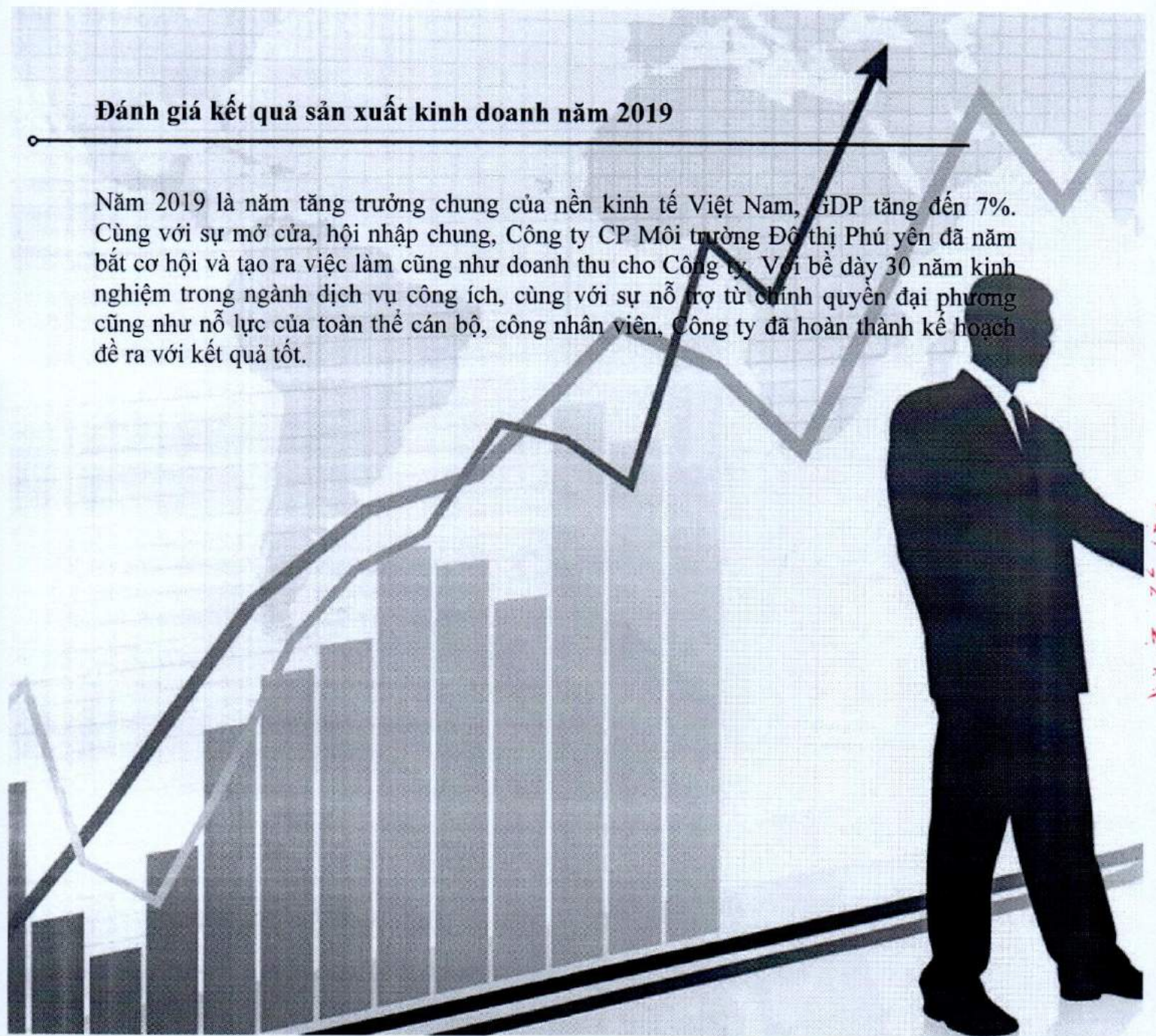
- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và quản lý công ty
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Khoản mục	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	TH2019/K H2019
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	67.000	84.068	125,48%
2	Lợi nhuận trước thuế	%	6.800	6.974	102,56%
3	Lợi nhuận sau thuế	%	5.440	5.507	101,22%
4	Tỷ lệ cổ tức	%/VĐL	6	6	100%

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

Năm 2019 là năm tăng trưởng chung của nền kinh tế Việt Nam, GDP tăng đến 7%. Cùng với sự mở cửa, hội nhập chung, Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên đã nắm bắt cơ hội và tạo ra việc làm cũng như doanh thu cho Công ty. Với bề dày 30 năm kinh nghiệm trong ngành dịch vụ công ích, cùng với sự nỗ lực từ chính quyền đại phương cũng như nỗ lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên, Công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra với kết quả tốt.



Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, quan tâm, chỉ đạo sâu sát, tận tình của các cấp lãnh đạo ở tỉnh, thành phố. Bên cạnh đó, công ty đã xây dựng được mối quan hệ và uy tín tốt với các ban ngành địa phương, đây chính là một trong những yếu tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong quá trình triển khai hoạt động SXKD.
- Tập thể CBCNV và người lao động gắn bó, đoàn kết và phối hợp chặt chẽ trong các nhiệm vụ được giao, tham gia đóng góp ý kiến, ý tưởng hoàn thiện công ty và có tinh thần trách nhiệm cao.
- Trong quá trình hoạt động cung cấp các sản phẩm dịch vụ, công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm như: tư vấn dịch vụ thu gom rác, sản xuất xe gom rác đẩy tay, tư vấn, thiết kế về mảng xanh đô thị, cảnh quan, tư vấn, thiết kế trồng các loại cây phù hợp với từng vùng khí hậu, thổ nhưỡng địa phương.

Khó khăn:

- Hiện tại các xe chuyên dụng thu gom rác thải, thiết bị chuyên dùng khác đã cũ, hư hỏng và còn thiếu không đủ năng lực để tham gia đấu thầu, thiết bị chuyên dùng thường xuyên hư hỏng ảnh hưởng đến năng suất làm việc.
- Vườn ươm cây xanh chưa đủ năng lực để cung cấp cây giống.
- Đơn giá xử lý nước rỉ rác hiện nay chưa có vì vậy những khoản chi phí dùng cho việc duy tu bảo dưỡng bãi rác chưa được đưa vào đơn giá đây cũng là phần ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của công ty
- Chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội thường xuyên thay đổi, ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động của công ty.
- Ý thức của người dân về vệ sinh môi trường chưa cao đã tạo thêm áp lực công việc cho nhân viên công ty.
- Bãi rác Thọ Vực thường xuyên quá tải, gây ô nhiễm khu vực xung quanh, ảnh hưởng người dân và tăng chi phí quản lý cho công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2018	31/12/2019	Tăng/giảm(%)
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	60.817	79.321	30%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	9.964	7.452	-25%
Tổng tài sản	Triệu đồng	70.781	86.773	23%

Tổng tài sản của Công ty năm 2019 là 86,77 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2018 (70,78 tỷ đồng). Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 30%, đạt mức 79,32 tỷ đồng, chiếm 91,41% cơ cấu tài sản. Tài sản dài hạn giảm từ 9,96 tỷ đồng xuống 7,45 tỷ đồng, tương đương giảm 25% so với năm 2018. Nguyên nhân tăng tài sản là tăng hàng tồn kho, cụ thể là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, tăng từ 3,39 tỷ đồng lên 15,72 tỷ đồng.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2018	31/12/2019	Tăng/giảm(%)
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	5.030	19.202	282%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	-	-	-
Nợ phải trả	Triệu đồng	5.030	19.202	282%

Tại thời điểm kết thúc năm 2019, nợ ngắn hạn chiếm toàn bộ cơ cấu nợ phải trả của Công ty. Tổng nợ phải trả của công ty tăng từ 5,03 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2018 lên 19,20 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2019, tăng 282% so với cùng kì năm trước. Cụ thể, khoản mục phải trả người bán ngắn hạn tăng từ 844 triệu đồng lên 4.489 triệu đồng, khoản mục người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng từ 155 triệu đồng lên 6.800 triệu đồng, phải trả người lao động tăng từ 1,89 tỷ đồng lên 5,94 tỷ đồng.

001158
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HỘI TRƯỞNG
ĐỘ T
PHỤ
TUỖ HÒA

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Sau 06 năm hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, công ty đã có nhiều thay đổi trong cách thức và tổ chức hoạt động để thích ứng, phù hợp với mô hình mới:

- Ban lãnh đạo luôn kiểm tra, đánh giá hoạt động của các phòng ban chức năng để đưa ra những chính sách đúng đắn nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lao động, phát huy tối đa thế mạnh, năng lực kinh nghiệm, linh hoạt trong công việc điều động nhân sự, phân công đúng người đúng việc, phù hợp với từng cá nhân trong quá trình hoạt động.
- Công ty luôn chú trọng đào tạo nguồn lực sẵn có, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề của cán bộ công nhân viên. Tổ chức các hoạt động tập thể nhằm tạo điều kiện giao lưu, gắn kết giữa các nhân viên trong công ty.
- Khen thưởng các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc, góp phần mang lại lợi ích về kinh tế hoặc góp phần nâng cao hiệu quả công việc của bộ phận, nâng cao uy tín, hình ảnh công ty.

84-
CÔNG
H
T. PH

CHANGE

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020
1	Doanh thu	Triệu đồng	84.884	85.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.974	9.400
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.506	7.520
4	Tỷ lệ cổ tức/VDL	%	6	6

Các biện pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch của Công ty trong thời gian sắp tới

Tái cấu trúc doanh nghiệp

- Thành lập các Công ty con trực thuộc có trụ sở trên các huyện Đông Hòa và Thị xã Sông Cầu để đủ điều kiện tham gia đấu thầu chào hàng cạnh tranh và thực hiện cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích cho các huyện thị.
- Hoàn thiện các văn bản pháp lý của doanh nghiệp: Điều lệ hoạt động, Quy chế quản lý nợ, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý chi tiêu...

Cơ cấu lại các phòng ban Công ty: Tổ chức, sắp xếp lại các phòng nghiệp vụ cho phù hợp với qui mô phát triển của Công ty; Đầu tư nâng cao năng lực chuyên môn, đảm bảo số lượng, chất lượng cán bộ quản lý, nhân viên để đáp ứng yêu cầu mục tiêu của chiến lược;

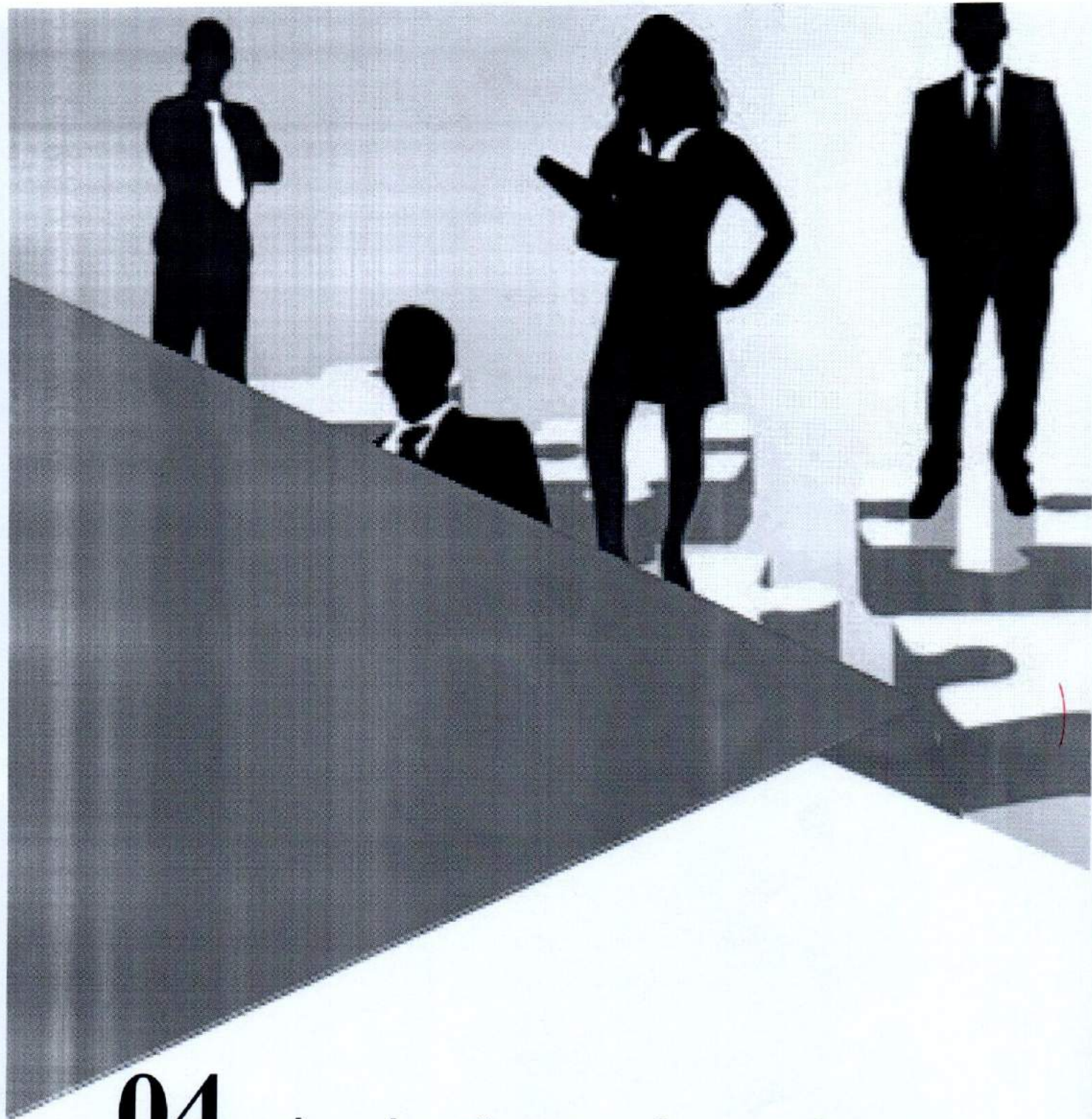
Kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực và đời sống người lao động: Xây dựng lực lượng đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân chuyên nghiệp, lành nghề để nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu cung cấp các sản phẩm dịch vụ tốt nhất và đồng thời tăng năng suất lao động.

Công tác tài chính

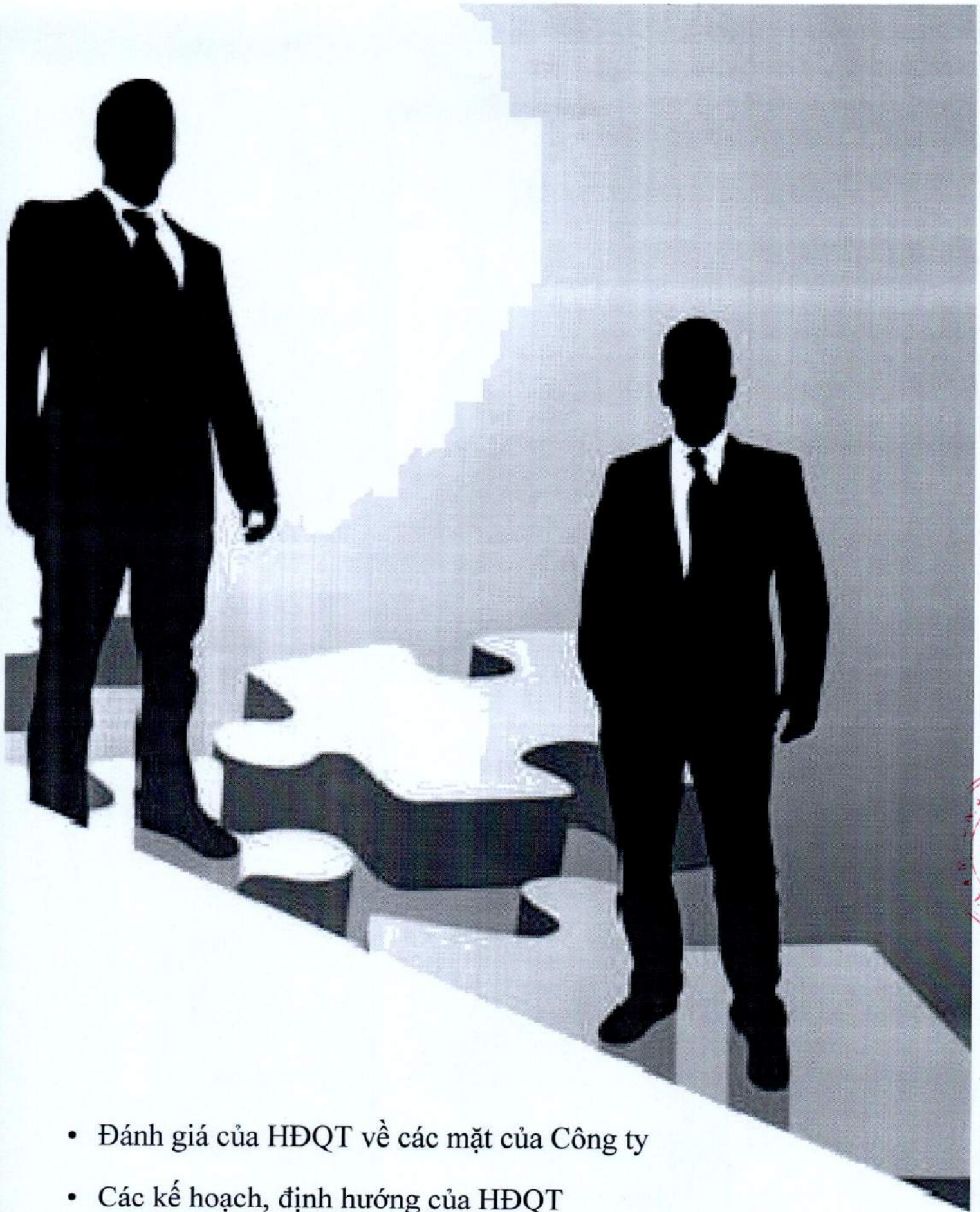
- Tăng cường công tác quản lý tài chính, cân đối nguồn vốn để đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu yêu cầu của chiến lược.
- Quản lý hiệu quả các chi phí đầu tư, đảm bảo sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực hiện hữu;
- Bảo tồn và phát triển vốn, tăng dần tỷ suất lợi nhuận trên vốn để hoàn thành mục tiêu kế hoạch;
- Huy động các nguồn vốn để đáp ứng được nhu cầu đầu tư phát triển. Từ vốn góp của cổ đông, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp, vốn vay các ngân hàng thương mại và huy động khác, trong đó phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của công ty là chủ yếu.

Công tác kiểm tra, giám sát

- Hằng năm đánh giá nội bộ để xây dựng kế hoạch phù hợp, đảm bảo phát triển đúng mục tiêu của kế hoạch;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hàng năm, mục tiêu kế hoạch; đánh giá việc thực hiện kế hoạch để đảm bảo kế hoạch đi đúng mục tiêu hoặc có sự điều chỉnh phù hợp;
- Định kỳ báo cáo các Sở, Ban, Ngành và nhận các thông tin, phản hồi về quá trình thực hiện Chiến lược để có sự điều chỉnh, bổ sung phù hợp.



04 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Đánh giá của HĐQT về các mặt của Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

4406
C
C
M
T.P.T

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT CỦA CÔNG TY

Về hoạt động kinh doanh

STT	Khoản mục	ĐVT	Năm 2019
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	86.773
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	67.571
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân	%	6,99
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần bình quân	%	7,48
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	%	8,26

Về hoạt động của Ban giám đốc

Trong năm qua, Ban giám đốc Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đề ra. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và theo dõi sát tình hình từ công tác nội bộ đến công tác đối ngoại, đồng thời, chỉ đạo và giải quyết hợp lý trong từng trường hợp, từng thời điểm. Ban giám đốc đã báo cáo, đề xuất nhiều vấn đề, phương hướng quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra những giải pháp để hạn chế những bất lợi của tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2019 của Công ty.

Về các mặt hoạt động của Công ty

Địa bàn hoạt động chính của Công ty là thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, là một trong những địa điểm thu hút khách du lịch của Việt Nam. Ngoài ra, thành phố Tuy Hòa còn là thành phố trực thuộc tỉnh có mật độ dân số lớn, điều này làm cho Thành phố Tuy Hòa trở thành một thị trường đầy tiềm năng cho lĩnh vực dịch vụ môi trường cũng như cây xanh. Năm 2019, kinh tế Phú Yên ghi nhận những bước tăng trưởng ổn định, tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Với vị thế là một doanh nghiệp có bề dày hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành, Công ty hiện đang cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải công cộng trên địa bàn TP Tuy Hòa và chiếm lĩnh được thị phần lớn trong ngành môi trường tại Thành phố Tuy hòa. Ngoài ra, công ty còn mở rộng thu gom rác thải tại các địa bàn tiềm năng như huyện Đông Hòa và Tây hòa...

158
NG T
PH
TRU
ĐÓ T
PHU
HOA

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục tiêu phát triển

- Giữ vững và ổn định thị phần khách hàng hiện có, tránh rơi vào tình trạng suy giảm năng lực cạnh tranh, thu hẹp thị phần.
- Đẩy mạnh công tác thị trường nhằm thu hút thêm khách hàng mới.
- Tăng nguồn thu cải thiện lợi nhuận, tiết giảm chi phí hướng đến mục tiêu chung là duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của môi trường
- Cải thiện năng suất lao động, đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong sản xuất và quản lý.



Chỉ tiêu kế hoạch

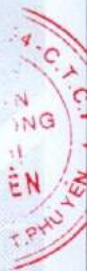
STT	Khoản mục	ĐVT	KH 2020
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	61.430.000
2	Doanh thu	Triệu đồng	85.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.520
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	6

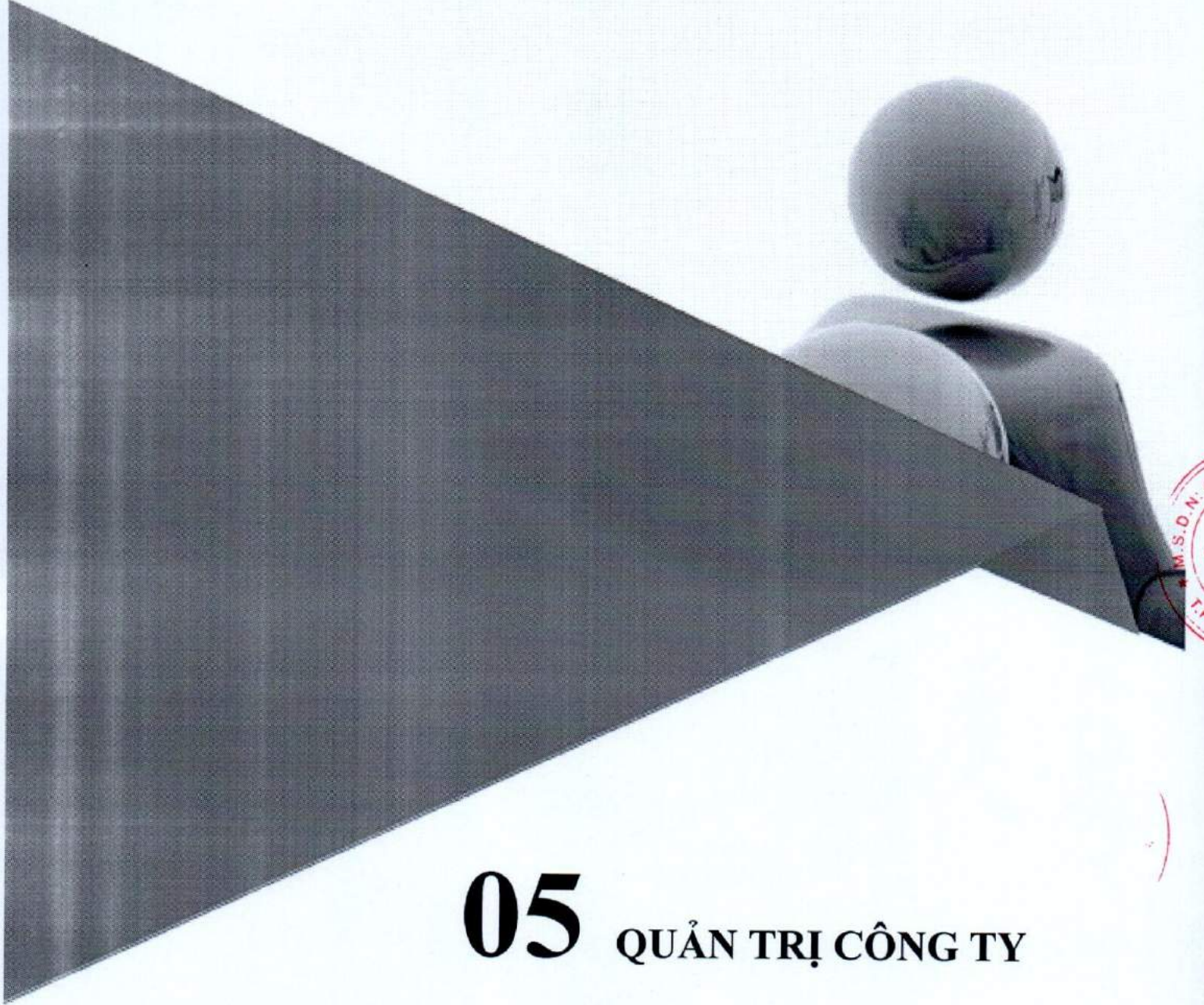
Mở rộng thị trường sản xuất kinh doanh

Mở rộng địa bàn kinh doanh, mở rộng địa bàn thu gom rác thải sinh hoạt và cây xanh với hình thức thành lập các Công ty con trực thuộc đóng tại địa bàn các huyện, thị xã để đủ điều kiện tham gia đấu thầu các gói thầu chào hàng cạnh tranh và cung ứng các sản phẩm dịch vụ

Kế hoạch đầu tư

- Xây dựng vườn ươm sản xuất các loại giống cây trồng phù hợp với khí hậu thổ nhưỡng địa phương, đáp ứng nhu cầu thi công công trình cây xanh.
- Xây dựng khu xử lý chất thải sinh hoạt sản xuất phân compost, diện tích sử dụng 2ha, công suất 90m³/ngày, địa điểm tại thôn Thọ Vực, xã Hòa Kiến, Tp Tuy Hòa, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường do việc đổ chất thải vệ sinh không đúng quy định, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải vệ sinh phục vụ cho các hộ dân tại thành phố Tuy Hòa và các huyện lân cận, chất thải được chế phân thành hữu cơ.
- Xây dựng khi nghĩa trang công viên-sinh thái kết hợp dịch vụ tổng hợp đầy đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật, phục vụ mai táng và hỏa táng. Nghĩa trang xây dựng theo tiêu chuẩn cấp III tại thôn Thọ Vực, xã Hòa Kiến, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.





M.S.D.N: 44
M
TPT

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY



- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Thủ lao và các giao dịch

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Đỗ Văn Sung	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Minh Hoàng	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Quang Nguyên	Thành viên HĐQT

Sơ yếu lý lịch của HĐQT

Ông Trần Minh Hoàng – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (xem phần lý lịch Ban giám đốc)

Ông Nguyễn Quang Nguyên - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc (xem phần lý lịch Ban giám đốc)

Ông Đỗ Văn Sung – Chủ tịch HĐQT

Năm sinh 18/04/1959

Trình độ chuyên môn Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác

06/1980 Nhân viên BQL xây dựng trại heo giống cấp 2

01/1986 Nhân viên BQL xây dựng công trình chợ Tuy Hòa

01/1988 Nhân viên công tác tại phòng xây dựng Thị xã Tuy Hòa

12/1989 Nhân viên Kế hoạch – kỹ thuật Công ty Quản lý nhà và công trình đô thị Phú Yên

09/2001 Phó phòng kế hoạch – kỹ thuật công ty TNHH MTV PTN & CTĐT Tx Tuy Hòa

11/2010-06/2018 Phó trưởng phòng Hành chính – kế toán Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Phú Yên

07/2018 đến nay Chủ tịch HĐQT kiêm trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên

Số cổ phiếu nắm giữ 9.600 cổ phần, chiếm 0,2% vốn điều lệ

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu 9.600 cổ phần, chiếm 0,2% vốn điều lệ

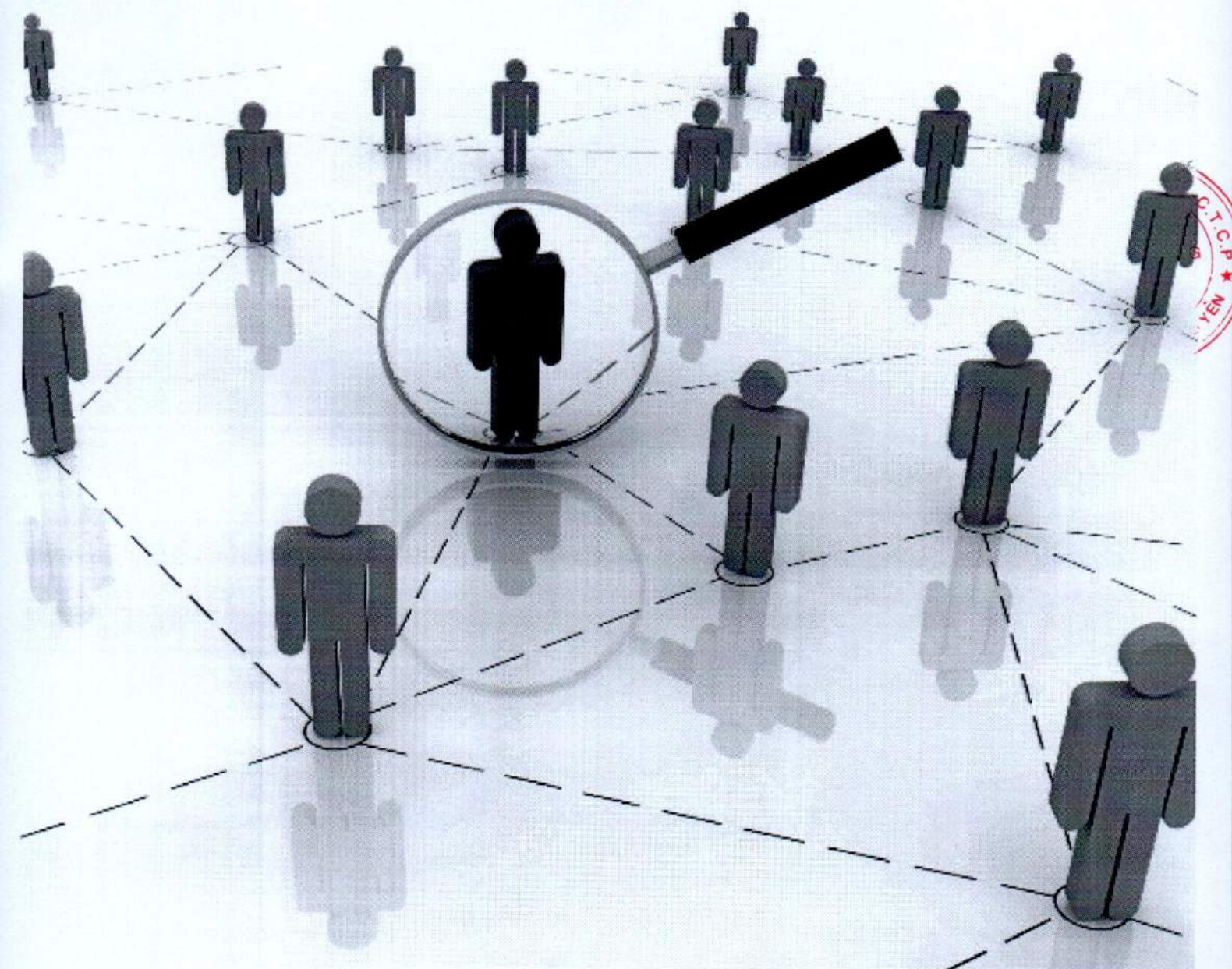
Số cổ phiếu đại diện sở hữu 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các tiểu ban thuộc HĐQT

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Đỗ Văn Sung	Chủ tịch HĐQT	18	100%
2	Trần Minh Hoàng	Thành viên HĐQT	18	100%
3	Nguyễn Quang Nguyên	Thành viên HĐQT	18	100%



Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Ngày	Số NQ/QĐ	Nội dung
1	20/02/2019	01/QĐ	V/v Bãi nhiệm chức vụ kế toán trưởng công ty đối với bà Đỗ Thị Ngọc Huyền
2	20/02/2019	02/QĐ	V/v Tuyển dụng và bổ nhiệm kế toán trưởng đối với ông Phan Trọng Thư
3	27/02/2019	03/QĐ	V/v Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với ông Huỳnh Kim Quốc
4	18/03/2019	04/NQ	V/v Chọn ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội
5	19/03/2019	04a/NQ	V/v Cải tạo và sửa chữa các hạng mục của công ty
6	19/03/2019	04b/QĐ	V/v Lập dự toán thiết kế, thẩm định và tổ chức thi công công trình: Cải tạo vườn ươm cơ sở 2 công ty
7	19/03/2019	04c/QĐ	V/v Chủ trương đầu tư công trình Cải tạo nhà vệ sinh
8	06/06/2019	04c/NQ	V/v Thu hồi từ quỹ khen thưởng của người quản lý
9	15/06/2019	05/NQ	V/v Chọn ngày tổ chức ĐH cổ đông thường niên 2019
10	27/06/2019	06/NQ	V/v Nghị quyết ĐH cổ đông thường niên năm 2019
11	05/07/2019	06a/QĐ	V/v Thanh lý xe ủi D21
12	05/08/2019	06b/QĐ	V/v Chủ trương mua sắm tài sản cố định (phương tiện vận tải)
13	05/08/2019	06c/QĐ	V/v thành lập tổ mua sắm tài sản
14	06/08/2019	07/QĐ	V/v Thanh lý thiết bị văn phòng hư hỏng không sử dụng được
15	19/08/2019	08/QĐ	V/v Phê duyệt dự toán hạng mục mua sắm tài sản cố định (phương tiện vận tải)
16	28/08/2019	09/QĐ	V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, mua sắm tài sản cố định
17	05/09/2019	10/QĐ	V/v Chỉ định thầu gói thầu số 1: tư vấn HSMT & đánh giá HSDT hạng mục: mua sắm tài sản cố định
18	5/9/2019	11/QĐ	V/v Chỉ định thầu gói thầu số 02: tư vấn thẩm định HSMT & thẩm định kết quả đánh giá HSDT hạng mục:



mua sắm tài sản cố định			
19	4/10/2019	12/QĐ	V/v Phê duyệt hso mời thầu, gói số 3: Mua sắm tài sản cố định (phương tiện vận tải)
20	24/10/2019	13/NQ	V/v thống nhất chọn ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2018
21	15/11/2019	14/NQ	V/v Góp vốn điều lệ tại công ty TNHH MTV XD & phát triển đô thị Đông Hòa
22	26/11/2019	15/QĐ	V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói số 3: Mua sắm tài sản cố định
23	10/12/2019	16/QĐ	QĐ chủ trương đầu tư: Mua sắm 01 máy đào bánh xích

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Tiến	Trưởng ban kiểm soát
2	Nguyễn Hoài Thu	Thành viên ban kiểm soát

Sơ yếu lý lịch của Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Tiến - Trưởng ban kiểm soát	
Năm sinh	25/04/1964
Địa chỉ thường trú	TP Tuy Hòa, Phú Yên
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 1985 - 2002	Nhân viên công ty Thương nghiệp Miền núi Phú Yên
Từ 2003 - 2013	Kế toán tổng hợp - Phó phòng kế toán - tài vụ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị PHÚ YÊN
Từ năm 2013 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Môi trường Đô thị PHÚ YÊN
Số cổ phiếu nắm giữ	14.100 cổ phần, chiếm 0,23% vốn điều lệ
Số cổ phần cá nhân sở hữu	14.100 cổ phần, chiếm 0,23% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Nguyễn Hoài Thu – Kiểm soát viên	
Năm sinh	17/08/1992
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng
Quá trình công tác	
Từ 07/2015 đến 06/2018	Nhân viên phòng Kế toán – tài vụ Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ 07/2018 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát – Nhân viên phòng Tổ chức – Hành chính Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên
Số cổ phiếu nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thị Tiến	Trưởng ban kiểm soát	2	100%
2	Nguyễn Hoài Thu	Thành viên ban kiểm soát	2	100%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 02 thành viên, hoạt động theo quy định của Điều lệ và Quy chế Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát có chuyên môn và công tác trong lĩnh vực kinh doanh, tài chính nên có điều kiện để tiếp cận thực tế hoạt động kinh doanh, thực hiện chức năng kiểm soát việc chấp hành Điều lệ, thực hiện Nghị quyết Đại hội Cổ đông, Quy chế tài chính tại Công ty.

Trong năm vừa qua, Ban kiểm soát đã tham gia các hoạt động kiểm soát thường xuyên, định kỳ: kiểm quỹ, kiểm kê vật tư, hàng hóa,... Đồng thời, thực hiện kiểm tra công tác quản lý tài chính, quy trình hoạt động kinh doanh, các quy định về quản lý vật tư – hàng hóa, kịp thời trao đổi góp ý với các bộ phận chuyên môn để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Như thường lệ, Ban kiểm soát cũng đã đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ động 2019 để báo cáo trước Đại hội cổ đông. Tham dự các cuộc họp của

Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và đưa ra ý kiến của Ban kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định.

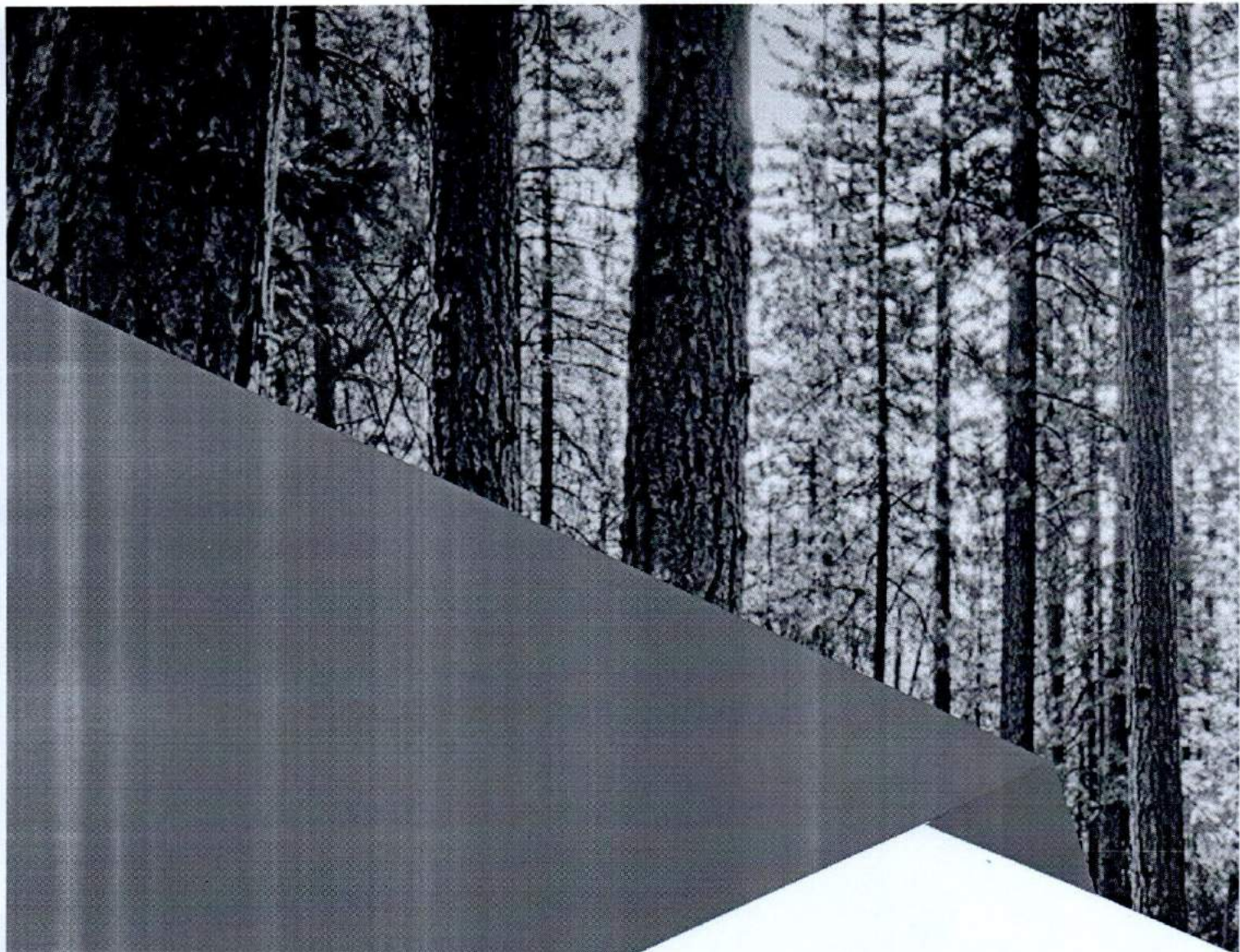
THÙ LAO VÀ CÁC GIAO DỊCH

Lương, thưởng, thù lao

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương
Hội Đồng Quản trị			
Đỗ Văn Sung	Chủ tịch	4.862.881	
Trần Minh Hoàng	Thành viên	3.348.489	
Nguyễn Quang Nguyên	Thành viên	3.348.489	
Ban điều hành			
Trần Minh Hoàng	Giám đốc		26.613.460
Phạm Quốc Duy	Phó giám đốc		22.355.306
Phan Trọng Thu	Kế toán trưởng		20.226.230
Ban kiểm soát			
Nguyễn Thị Tiến	Trưởng ban		20.226.230
Nguyễn Hoài Thu	Thành viên	2.237.935	

Các giao dịch


Trong năm Công ty không có giao dịch của người nội bộ và người liên quan đến người nội bộ



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

58/
T
i
A
i
O
-
H
E
T

- 
- Ý kiến của kế toán
 - Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên (tên trước đây là Công ty Phát triển nhà và Công trình đô thị và được chuyển đổi thành Công ty TNHH Phát triển nhà và Công trình đô thị Thành phố Tuy Hòa).

Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên là Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Yên và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400115884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 5 năm 2006. Ngày 27/09/2013 và ngày 20/12/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1704/QĐ-UBND và Quyết định số 2276/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên thành Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên.

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 4400115884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau:

- Thay đổi lần thứ 4 vào ngày 02 tháng 01 năm 2014
- Thay đổi lần thứ 5 vào ngày 12 tháng 11 năm 2014
- Thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
- Điện thoại : 0257 3823 666
- Fax : 0257 3829 762

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi là:

- Thu gom rác, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình điện chiếu sáng, trạm biến áp và lưới điện trung và hạ thế, thi công, nạo vét, sửa chữa hệ thống thoát nước và công trình đô thị, công trình giao thông, cống rãnh vỉa hè; San lấp mặt bằng;
- Quản lý công viên, vệ sinh và bảo vệ môi trường;
- Dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Mua bán hoa và cây xanh;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, xe cơ giới, các loại xe thô sơ chuyên dùng;
- Duy tu và bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng đô thị;
- Mua bán thiết bị vệ sinh môi trường, vật tư cấp thoát nước;
- Vận chuyển chất thải, rác thải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập hồ sơ mời thầu;
- Dịch vụ tư vấn thiết kế cây xanh đô thị, công viên, quảng trường, kiến trúc xanh, kiến trúc cảnh quan (hoạt động công ích);
- Dịch vụ tư vấn phát triển, quản lý đô thị;
- Tư vấn dự án về môi trường, hạ tầng đô thị, mô hình thu gom xử lý rác thải sinh hoạt và các dịch vụ hạ tầng đô thị khác;
- Sản xuất, mua bán, tiêu thụ phân compost;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Ươm giống cây lâm nghiệp;
- Trồng rừng, chăm sóc cây lấy gỗ và cây rừng khác;
- Khai thác lâm sản (trừ gỗ và động vật sống).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Văn Sung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Trần Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Phạm Quốc Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Nguyễn Thị Tiến	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Huỳnh Kim Quốc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 và miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019
Bà Nguyễn Hoài Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Minh Hoàng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2018
Ông Phạm Quốc Duy	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2018
Bà Đỗ Thị Ngọc Huyền	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2018 và miễn nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2019
Ông Phan Trọng Thu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Minh Hoàng – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2018)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Minh Hoàng
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020



Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 3.0114/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty"), công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên – Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2018-008-1

Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1513-2018-008-1

Nha Trang, ngày 27 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.321.033.241	60.817.153.675
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.114.401.138	10.006.241.235
1. Tiền	111		9.740.401.138	6.006.241.235
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.374.000.000	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.058.348.007	42.095.894.281
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	40.418.514.398	40.693.459.234
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.643.384.600	19.200.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.142.025.734	1.743.324.227
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(145.576.725)	(360.089.180)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		17.514.018.205	7.621.567.262
1. Hàng tồn kho	141	V.6	17.514.018.205	7.621.567.262
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.634.265.891	1.093.450.897
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.602.023.826	1.003.761.050
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	61.588.881
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	32.242.065	28.100.966
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.452.319.573	9.963.722.071
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.435.791.797	8.670.849.494
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	7.435.791.797	8.670.849.494
- Nguyên giá	222		49.768.092.308	49.164.467.624
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.332.300.511)	(40.493.618.130)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.527.776	1.292.872.577
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	16.527.776	1.292.872.577
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		86.773.352.814	70.780.875.746

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		19.202.078.017	5.030.394.267
I. Nợ ngắn hạn	310		19.202.078.017	5.030.394.267
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	4.488.819.576	844.197.790
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	6.800.000.000	155.805.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.565.173.421	1.210.232.714
4. Phải trả người lao động	314	V.12	5.938.732.179	1.887.832.279
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		154.536.343	47.116.364
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	101.487.062	76.455.547
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	153.329.436	808.754.573
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.571.274.797	65.750.481.479
I. Vốn chủ sở hữu	410		67.571.274.797	65.750.481.479
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	61.430.000.000	61.430.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.430.000.000	61.430.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.15	634.681.479	634.681.479
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	5.506.593.318	3.685.800.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	3.685.800.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.506.593.318	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		86.773.352.814	70.780.875.746

Phú Yên, ngày 27 tháng 3 năm 2020



Ngô Thị Bích Trâm
Người lập

Phan Trọng Thư
Kế toán trưởng

Trần Minh Hoàng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	84.111.586.879	63.157.446.474
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		43.115.545	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		84.068.471.334	63.157.446.474
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	68.265.550.830	50.645.821.477
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.802.920.504	12.511.624.997
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	761.578.978	555.052.688
7. Chi phí tài chính	22		8.882.137	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.882.137	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	9.409.261.769	7.026.801.422
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.146.355.576	6.039.876.263
12. Thu nhập khác	31	VI.5	50.364.137	18.749.106
13. Chi phí khác	32	VI.6	222.368.460	507.000
14. Lợi nhuận khác	40		(172.004.323)	18.242.106
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.974.351.253	6.058.118.369
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	1.467.757.935	1.211.623.674
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.506.593.318</u>	<u>4.846.494.695</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>5.341.258.309</u>	<u>4.846.494.695</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>-</u>	<u>-</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7a,b	<u>600</u>	<u>600</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7a,b	<u>600</u>	<u>600</u>



Ngô Thị Bích Trâm
Người lập



Phan Trọng Thu
Kế toán trưởng



Phú Yên, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Trần Minh Hoàng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.974.351.253	6.058.118.369
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	2.060.674.238	3.374.910.659
- Các khoản dự phòng	03		-	214.512.455
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(761.578.978)	(555.052.688)
- Chi phí lãi vay	06		8.882.137	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.282.328.650	9.092.488.795
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.690.493.489)	(1.015.710.182)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.892.450.943)	(2.039.584.637)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		14.819.249.986	(755.507.261)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		678.082.025	29.338.905
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.882.137)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(1.514.801.525)	(1.189.915.859)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.14	(827.035.101)	(2.088.978.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.845.997.466	2.032.130.861
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(825.616.541)	(279.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	761.578.978	555.052.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(64.037.563)	276.052.688

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.13, V.15	(3.673.800.000)	(4.286.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.673.800.000)	(4.286.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.108.159.903	(1.977.916.451)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.006.241.235	11.984.157.686
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		16.114.401.138	10.006.241.235

Phú Yên, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Ngô Thị Bích Trâm
Người lập

Phan Trọng Thư
Kế toán trưởng



Trần Minh Hoàng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thu gom rác, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình điện chiếu sáng, trạm biến áp và lưới điện trung và hạ thế, thi công, nạo vét, sửa chữa hệ thống thoát nước và công trình đô thị, công trình giao thông, cống rãnh vỉa hè; San lấp mặt bằng; Quản lý công viên, vệ sinh và bảo vệ môi trường; Dịch vụ phục vụ tang lễ; Mua bán hoa và cây xanh; Sản xuất các sản phẩm cơ khí, xe cơ giới, các loại xe thô sơ chuyên dùng; Duy tu và bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng đô thị; Mua bán thiết bị vệ sinh môi trường, vật tư cấp thoát nước; Vận chuyển chất thải, rác thải; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Lập hồ sơ mời thầu; Dịch vụ tư vấn thiết kế cây xanh đô thị, công viên, quảng trường, kiến trúc xanh, kiến trúc cảnh quan (hoạt động công ích); Dịch vụ tư vấn phát triển, quản lý đô thị; Tư vấn dự án về môi trường, hạ tầng đô thị, mô hình thu gom xử lý rác thải sinh hoạt và các dịch vụ hạ tầng đô thị khác; Sản xuất, mua bán, tiêu thụ phân compost; Trồng hoa, cây cảnh; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Ươm giống cây lâm nghiệp; Trồng rừng, chăm sóc cây lấy gỗ và cây rừng khác; Khai thác lâm sản (trừ gỗ và động vật sống).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu năm nay tăng so với năm trước chủ yếu do tăng doanh thu công trình xây lắp; doanh thu dịch vụ công cộng cũng gia tăng đáng kể góp phần gia tăng lãi hoạt động kinh doanh.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chỉ có Công ty con - Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa	Khu phố 2 Thị trấn Hòa Vinh, Huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	Thu gom rác thải không độc hại, trồng cây xanh	100%		100%
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông cầu ^(*)	KP Long Phước Đông, Phường Xuân Phú, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	Thu gom rác thải không độc hại, trồng cây xanh	100%		100%

^(*) Công ty này chưa phát sinh số liệu kế toán do đang trong quá trình thành lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 305 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 302 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh tính trong giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 (năm) năm kể từ ngày Công ty chuyển sang cổ phần.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ (chủ yếu chi phí vật tư lắp đặt nước) đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm theo giá thành nước.

Chi phí khác

Chi phí quảng cáo, bảo hiểm được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí theo thời gian hiệu lực còn lại của các hợp đồng quảng cáo, bảo hiểm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

10. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Quyết định Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	185.425.393	86.937.609
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ^(*)	9.554.975.745	3.921.319.683
Các khoản tương đương tiền	6.374.000.000	5.997.983.943
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	6.374.000.000	5.997.983.943
Cộng	<u>16.114.401.138</u>	<u>10.006.241.235</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phòng Quản lý đô thị Thành phố Tuy Hòa	22.286.768.288	25.021.656.857
Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch	2.660.505.333	3.360.505.333
Ban Quản lý công viên biển	-	4.784.550.000
Ban quản lý các dự án Đầu tư Xây dựng Tỉnh Phú Yên	1.939.192.891	4.518.925.187

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>			
Trung tâm cung ứng dịch vụ công ích TP Tuy Hòa	2.652.955.000		-			
BQLDA đầu tư và xây dựng Tp.Tuy Hòa	1.891.508.000		394.093.000			
BQL Dự án ĐT&XD các công trình dân dụng Phú Yên	5.239.192.891					
Các khách hàng khác	3.748.391.995		2.584.698.857			
Cộng	40.418.514.398		40.693.459.234			
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn						
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>			
Công ty Cổ phần vận tải Thương mại xây dựng Đức Long	2.519.000.000		-			
Ông Lê Phụng Tri	-		19.200.000			
Các khách hàng khác	124.384.600					
Cộng	2.643.384.600		19.200.000			
4. Phải thu ngắn hạn khác						
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>			
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>		
Quỹ lương chi vượt	120.951.715	-	800.707.780	-		
Tạm ứng	45.700.000	-	10.500.000	-		
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	975.374.019	-	932.116.447	-		
Cộng	1.142.025.734	-	1.743.324.227	-		
5. Nợ xấu						
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>			
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>			-			-
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Tuy Hòa	Trên 3 năm	394.977.743	394.977.743	Trên 3 năm	6.482.162.000	6.482.162.000
Khách hàng khác	Trên 3 năm	145.576.725	-	Trên 3 năm	360.089.180	-
Cộng		540.554.468	394.977.743		6.842.251.180	6.482.162.000

Nợ xấu của Công ty bao gồm các khoản phải thu thương mại của khách hàng đã quá hạn thanh toán (chủ yếu là các khách hàng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước đang chờ quyết toán để thanh toán tiền dịch vụ của Công ty). Do vậy, một số khoản công nợ phải thu theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty không cần thiết phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Trong đó: Khoản phải thu từ các Dự án thực hiện - Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên chưa được trích lập dự phòng là do Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Yên đang trình duyệt chi ngân sách có kế hoạch trả trong năm tiếp theo.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	360.089.180	145.576.725
Trích lập/hoàn nhập dự phòng bổ sung	(214.512.455)	214.512.452
Số cuối năm	145.576.725	360.089.177

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.535.365.643	-	4.182.012.715	-
Công cụ, dụng cụ	6.850.000	-	6.850.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.724.430.206	-	3.391.124.110	-
Thành phẩm	22.815.954	-	41.580.437	-
Hàng hóa	224.556.402	-	-	-
Cộng	17.514.018.205	-	7.621.567.262	-

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.279.730.622	11.655.811.507	23.049.417.729	179.507.766	49.164.467.624
Mua trong năm	131.980.177	313.636.364	380.000.000	-	825.616.541
Thanh lý, nhượng bán	-	(114.064.000)	-	(107.927.857)	(221.991.857)
Số cuối năm	14.411.710.799	11.855.383.871	23.429.417.729	71.579.909	49.768.092.308
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.070.050.316	10.444.175.143	13.318.445.002	179.507.766	27.012.178.227
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	12.608.729.240	10.763.697.866	16.941.683.258	179.507.766	40.493.618.130
Khấu hao trong năm	470.111.254	249.794.800	1.340.768.184	-	2.060.674.238
Thanh lý, nhượng bán	-	(114.064.000)	-	(107.927.857)	(221.991.857)
Số cuối năm	13.078.840.494	10.899.428.666	18.282.451.442	71.579.909	42.332.300.511
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.671.001.382	892.113.641	6.107.734.471	-	8.670.849.494
Số cuối năm	1.332.870.305	955.955.205	5.146.966.287	-	7.435.791.797
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	735.529.266	64.482.501
Chi phí sửa chữa	428.788.679	-
Chi phí bảo hiểm	26.807.957	27.429.546
Lệ phí đường bộ	45.875.581	365.225.958
Chi phí khác	365.022.343	546.623.045
Cộng	1.602.023.826	1.003.761.050

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bãi chôn lấp	-	1.292.872.577
Chi phí khác	16.527.776	-
Cộng	<u>16.527.776</u>	<u>1.292.872.577</u>

9. Phải trả người bán ngắn hạn**9a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
DNTN cây kiềng Đức Minh	1.174.666.653	-
Công ty cổ phần Xăng dầu - Dầu khí Phú Yên	487.320.915	162.317.690
Công ty TNHH TM DV Lương Thế Khang	464.800.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.362.032.008	681.880.100
Cộng	<u>4.488.819.576</u>	<u>844.197.790</u>

9b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Tân lập	500.000.000	155.805.000
BQL Dự án ĐT&XD các công trình dân dụng Phú Yên	3.300.000.000	-
Cộng	<u>6.800.000.000</u>	<u>155.805.000</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.192.919.001	-	4.432.957.666	(4.087.760.410)	1.538.116.257	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	28.100.966	1.510.660.426	(1.514.801.525)	-	32.242.065
Thuế thu nhập cá nhân	17.313.713	-	28.372.066	(18.628.615)	27.057.164	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	329.137.450	(329.137.450)	-	-
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	468.997	(468.997)	-	-
Cộng	<u>1.210.232.714</u>	<u>28.100.966</u>	<u>6.307.596.605</u>	<u>(5.956.796.997)</u>	<u>1.565.173.421</u>	<u>32.242.065</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Lệ phí đất an táng và cải táng, lệ phí đất sanh phần, cho thuê xe tang, lệ phí nhà vệ sinh, dịch vụ cây xanh và chiếu sáng	Không chịu thuế
- Cây xanh và cỏ	5%
- Các sản phẩm và dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.974.351.253	6.058.118.369
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	364.438.420	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	7.338.789.673	6.058.118.369
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.467.757.935	1.211.623.674
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	42.902.491	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.510.660.426	1.211.623.674

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả người lao động

Số dư cuối năm là quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

Quỹ lương kế hoạch và lương thực hiện năm 2019 được xây dựng dựa trên Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH. Kế hoạch kinh doanh được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Yên giao tổng doanh thu kế hoạch là 67 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế thu nhập Doanh nghiệp là 6,8 tỷ đồng.

13. Phải trả ngắn hạn khác

13a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về cổ phần hóa	485.793	485.793
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	87.969.754	75.969.754
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13.031.515	-
Cộng	101.487.062	76.455.547

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	808.754.573	1.122.805.540
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	1.774.927.933
Tăng khác (do hoàn nhập trích lập dự phòng năm trước theo Biên bản thanh tra)	171.609.964	-
Chi quỹ trong năm	(827.035.101)	(2.088.978.900)
Số cuối năm	<u>153.329.436</u>	<u>808.754.573</u>

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	61.430.000.000	634.681.479	4.914.333.238	66.979.014.717
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	4.846.494.695	4.846.494.695
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.774.927.933)	(1.774.927.933)
Chia cổ tức, lợi nhuận từ lợi nhuận năm 2017	-	-	(4.300.100.000)	(4.300.100.000)
Số dư cuối năm trước	<u>61.430.000.000</u>	<u>634.681.479</u>	<u>3.685.800.000</u>	<u>65.750.481.479</u>
Số dư đầu năm nay	61.430.000.000	634.681.479	3.685.800.000	65.750.481.479
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	5.506.593.318	5.506.593.318
Chia cổ tức, lợi nhuận từ lợi nhuận năm 2018	-	-	(3.685.800.000)	(3.685.800.000)
Số dư cuối năm nay	<u>61.430.000.000</u>	<u>634.681.479</u>	<u>5.506.593.318</u>	<u>67.571.274.797</u>

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ đông Nhà nước (UBND Tỉnh Phú Yên)	56.079.000.000	56.079.000.000
Các cổ đông khác	5.351.000.000	5.351.000.000
Cộng	<u>61.430.000.000</u>	<u>61.430.000.000</u>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>		<u>Vốn điều lệ đã góp (VND)</u>
	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	
Cổ đông Nhà nước (UBND Tỉnh Phú Yên)	56.079.000.000	91,29	56.079.000.000
Các cổ đông khác	5.351.000.000	8,71	5.351.000.000
Cộng	<u>61.430.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>61.430.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.143.000	6.143.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.143.000	6.143.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.143.000	6.143.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

15d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã chia lợi nhuận năm 2018 số tiền 3.685.800.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 06/NQ-HĐQT ngày 27/6/2019.

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tài sản nhận giữ hộ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản nhận giữ hộ	46.342.321.586	46.342.321.586

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Doanh thu thuần	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ công cộng	52.227.931.647	42.468.664.039
Doanh thu dịch vụ công trình	26.669.298.356	13.090.786.079
Doanh thu dịch vụ vệ sinh công nghiệp	593.034.002	-
Doanh thu khác	4.621.322.874	7.597.996.356
Tổng cộng	<u>84.111.586.879</u>	<u>63.157.446.474</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ công cộng	40.134.354.383	33.184.966.018
Giá vốn dịch vụ công trình	23.841.424.777	11.172.386.962
Giá vốn vệ sinh công nghiệp	554.018.922	-
Giá vốn khác	3.735.752.748	6.288.468.497
Cộng	<u>68.265.550.830</u>	<u>50.645.821.477</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	761.578.978	555.052.688
Cộng	<u>761.578.978</u>	<u>555.052.688</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.716.403.631	3.336.924.204
Chi phí vật liệu quản lý	230.757.187	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	592.669.087	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	370.141.452	495.289.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.537.404	-
Các chi phí khác	2.330.753.008	3.194.587.433
Cộng	<u>9.409.261.769</u>	<u>7.026.801.422</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	40.909.091	-
Thu phí hồ sơ mời thầu	9.455.046	18.749.106
Cộng	<u>50.364.137</u>	<u>18.749.106</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền bị phạt, bị truy thu, tiền chậm nộp	222.368.460	-
Chi phí khác	-	507.000
Cộng	<u>222.368.460</u>	<u>507.000</u>

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.506.593.318	4.846.494.695
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.820.793.318)	(1.160.694.695)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.685.800.000	3.685.800.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.143.000	6.143.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>600</u>	<u>600</u>

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.924.867.060	16.752.604.214
Chi phí nhân công	29.072.148.081	26.898.053.957
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.060.674.238	3.374.910.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.806.611.515	2.730.368.088
Chi phí khác	3.035.620.659	7.867.495.174
Cộng	<u>87.899.921.553</u>	<u>57.623.432.092</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 823.592.428 VND (năm trước là 775.522.164 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
---------------------------	--------------------

Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Phú Yên)	Cổ đông lớn, sở hữu 91,29% vốn chủ sở hữu của Công ty
--------------------------------------	---

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên số tiền 3.364.766.820 đồng (năm trước là 3.925.561.290 đồng).

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

- Dịch vụ công cộng: bao gồm dịch vụ vệ sinh, dịch vụ cây xanh và điện chiếu sáng;
- Dịch vụ công trình: bao gồm trồng và chăm sóc cây xanh, lắp đặt và tháo dỡ hệ thống điện chiếu sáng của các công trình.
- Sản phẩm và dịch vụ khác: bao gồm sản xuất và bán cây xanh, cộ đẩy rác, các sản phẩm phục vụ mai táng, dịch vụ phục vụ mai táng, dịch vụ vệ sinh, chăm sóc cây xanh...

Công ty không theo dõi riêng tài sản và nợ phải trả cho từng bộ phận nên không trình bày tài sản và nợ phải trả của từng lĩnh vực hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Dịch vụ công cộng	Dịch vụ công trình	Sản phẩm và dịch vụ khác	Phần quản lý chung	Tổng Cộng
Doanh thu thuần	52.184.816.102	26.669.298.356	5.214.356.876	-	84.068.471.334
Doanh thu tài chính	-	-	-	761.578.978	761.578.978
Thu nhập khác	-	-	-	50.364.137	50.364.137
Tổng doanh thu và Thu nhập khác	52.184.816.102	26.669.298.356	5.214.356.876	811.943.115	84.880.414.449
Giá vốn hàng bán	40.134.354.383	23.841.424.777	4.289.771.670	-	68.265.550.830
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	9.409.261.769	9.409.261.769
Chi phí tài chính	-	-	-	8.882.137	8.882.137
Chi phí khác	-	-	-	222.368.460	222.368.460
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	40.134.354.383	23.841.424.777	4.289.771.670	9.640.512.366	77.906.063.196
Lợi nhuận trước thuế TNDN	12.050.461.719	2.827.873.579	924.585.206	(8.828.569.251)	6.974.351.253

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Mặc dù số dư nợ phải thu khách hàng là Ủy ban nhân dân thành phố Phú Yên với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nợ phải thu nhưng Công ty đánh giá rủi ro tín dụng liên quan đến khách hàng này là thấp. Các khách hàng khác có số dư dưới 5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.114.401.138	-	-	-	16.114.401.138
Phải thu khách hàng	39.877.959.930	-	394.977.743	145.576.725	40.418.514.398
Các khoản phải thu khác	1.322.729.936	-	-	-	1.322.729.936
Cộng	57.315.091.004	-	394.977.743	145.576.725	57.855.645.472
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.006.241.235	-	-	-	10.006.241.235
Phải thu khách hàng	33.851.208.054	-	6.482.162.000	360.089.180	40.693.459.234
Các khoản phải thu khác	1.743.324.227	-	-	-	1.743.324.227
Cộng	45.600.773.516	-	6.482.162.000	360.089.180	52.443.024.696

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	4.488.819.576	-	-	4.488.819.576
Các khoản phải trả khác	436.727.607	-	-	436.727.607
Cộng	4.925.547.183	-	-	4.925.547.183
Số đầu năm				
Phải trả người bán	844.197.790	-	-	844.197.790
Các khoản phải trả khác	123.571.911	-	-	123.571.911
Cộng	967.769.701	-	-	967.769.701

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty là rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018.

4. *Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.114.401.138	-	10.006.241.235	-	16.114.401.138	10.006.241.235
Phải thu khách hàng	39.877.959.930	(145.576.725)	33.851.208.054	(360.089.180)	39.732.383.205	33.491.118.874
Các khoản phải thu khác	1.322.729.936	-	1.743.324.227	-	1.322.729.936	1.743.324.227
Cộng	57.315.091.004	(145.576.725)	45.600.773.516	(360.089.180)	57.169.514.279	45.240.684.336

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải trả người bán	4.488.819.576	844.197.790	4.488.819.576
Các khoản phải trả khác	436.727.607	123.571.911	436.727.607	123.571.911
Cộng	4.925.547.183	967.769.701	4.925.547.183	967.769.701

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các Thông tin khác

Căn cứ Quyết định Hội đồng quản trị số 13/QĐ-HĐQT ngày 13 tháng 11 năm 2018 về việc thành lập Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Sông Cầu do Công ty Cổ phần môi trường Đô Thị Phú Yên là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4401056737 ngày 13 tháng 11 năm 2018 cho Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Sông Cầu với vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2019 Công ty chưa góp vốn vào Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Sông Cầu, số vốn cam kết còn phải góp là 4,5 tỷ đồng.

Phú Yên, ngày 27 tháng 3 năm 2020



Ngô Thị Bích Trâm
Người lập



Phan Trọng Thư
Kế toán trưởng



Trần Minh Hoàng
Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên (tên trước đây là Công ty Phát triển nhà và Công trình đô thị và được chuyển đổi thành Công ty TNHH Phát triển nhà và Công trình đô thị Thành phố Tuy Hòa).

Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên là Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Yên và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400115884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 5 năm 2006. Ngày 27/09/2013 và ngày 20/12/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1704/QĐ-UBND và Quyết định số 2276/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên thành Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên.

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 4400115884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau:

- Thay đổi lần thứ 4 vào ngày 02 tháng 01 năm 2014
- Thay đổi lần thứ 5 vào ngày 12 tháng 11 năm 2014
- Thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
- Điện thoại : 0257 3823 666
- Fax : 0257 3829 762

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi là:

- Thu gom rác, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình điện chiếu sáng, trạm biến áp và lưới điện trung và hạ thế, thi công, nạo vét, sửa chữa hệ thống thoát nước và công trình đô thị, công trình giao thông, cống rãnh vỉa hè; San lấp mặt bằng;
- Quản lý công viên, vệ sinh và bảo vệ môi trường;
- Dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Mua bán hoa và cây xanh;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, xe cơ giới, các loại xe thô sơ chuyên dùng;
- Duy tu và bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng đô thị;
- Mua bán thiết bị vệ sinh môi trường, vật tư cấp thoát nước;
- Vận chuyển chất thải, rác thải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Lập hồ sơ mời thầu;



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Dịch vụ tư vấn thiết kế cây xanh đô thị, công viên, quảng trường, kiến trúc xanh, kiến trúc cảnh quan (hoạt động công ích);
- Dịch vụ tư vấn phát triển, quản lý đô thị;
- Tư vấn dự án về môi trường, hạ tầng đô thị, mô hình thu gom xử lý rác thải sinh hoạt và các dịch vụ hạ tầng đô thị khác;
- Sản xuất, mua bán, tiêu thụ phân compost;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Ươm giống cây lâm nghiệp;
- Trồng rừng, chăm sóc cây lấy gỗ và cây rừng khác;
- Khai thác lâm sản (trừ gỗ và động vật sống).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Văn Sung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Trần Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Phạm Quốc Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Nguyễn Thị Tiến	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Huỳnh Kim Quốc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 và miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019
Bà Nguyễn Hoài Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Minh Hoàng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2018
Ông Phạm Quốc Duy	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2018
Bà Đỗ Thị Ngọc Huyền	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2018 và miễn nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2019
Ông Phan Trọng Thư	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Minh Hoàng – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2018)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Minh Hoàng
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 3.0113/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên – Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0192-2018-008-1

Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1513-2018-008-1

Nha Trang, ngày 27 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.737.011.510	60.817.153.675
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.093.901.416	10.006.241.235
1. Tiền	111		9.719.901.416	6.006.241.235
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.374.000.000	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.933.181.145	42.095.894.281
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	39.124.643.334	40.693.459.234
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.643.384.600	19.200.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.310.729.936	1.743.324.227
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(145.576.725)	(360.089.180)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		17.034.219.306	7.621.567.262
1. Hàng tồn kho	141	V.6	17.034.219.306	7.621.567.262
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.675.709.643	1.093.450.897
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.602.023.826	1.003.761.050
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	61.588.881
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	73.685.817	28.100.966
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.928.146.105	9.963.722.071
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.129.622.965	8.670.849.494
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	7.129.622.965	8.670.849.494
- Nguyên giá	222		48.472.637.762	49.164.467.624
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.343.014.797)	(40.493.618.130)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		781.995.364	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	781.995.364	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.527.776	1.292.872.577
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	16.527.776	1.292.872.577
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		85.665.157.615	70.780.875.746

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.259.217.827	5.030.394.267
I. Nợ ngắn hạn	310		18.259.217.827	5.030.394.267
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	3.693.531.867	844.197.790
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	6.800.000.000	155.805.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.545.058.847	1.210.232.714
4. Phải trả người lao động	314	V.13	5.825.868.272	1.887.832.279
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		151.030.343	47.116.364
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	90.399.062	76.455.547
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	153.329.436	808.754.573
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

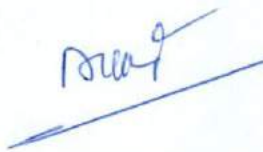
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.405.939.788	65.750.481.479
I. Vốn chủ sở hữu	410		67.405.939.788	65.750.481.479
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	61.430.000.000	61.430.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.430.000.000	61.430.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	634.681.479	634.681.479
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	5.341.258.309	3.685.800.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	3.685.800.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.341.258.309	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		85.665.157.615	70.780.875.746

Phú Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2020



Ngô Thị Bích Trâm
Người lập



Phan Trọng Thư
Kế toán trưởng



Trần Minh Hoàng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	82.833.849.547	63.157.446.474
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		43.115.545	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		82.790.734.002	63.157.446.474
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	67.314.957.307	50.645.821.477
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.475.776.695	12.511.624.997
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	761.539.895	555.052.688
7. Chi phí tài chính	22		8.882.137	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.882.137	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	9.288.857.638	7.026.801.422
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.939.576.815	6.039.876.263
11. Thu nhập khác	31	VI.5	50.364.137	18.749.106
12. Chi phí khác	32	VI.6	222.368.460	507.000
13. Lợi nhuận khác	40		(172.004.323)	18.242.106
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.767.572.492	6.058.118.369
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	1.426.314.183	1.211.623.674
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.341.258.309</u>	<u>4.846.494.695</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Ngô Thị Bích Trâm
Người lập

Phan Trọng Thư
Kế toán trưởng



Phú Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Trần Minh Hoàng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.767.572.492	6.058.118.369
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	2.053.206.706	3.374.910.659
- Các khoản dự phòng	03		-	214.512.455
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(761.539.895)	(555.052.688)
- Chi phí lãi vay	06		8.882.137	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.068.121.440	9.092.488.795
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(606.770.379)	(1.015.710.182)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.412.652.044)	(2.039.584.637)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13.917.833.548	(755.507.261)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		678.082.025	29.338.905
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.882.137)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(1.514.801.525)	(1.189.915.859)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	(827.035.101)	(2.088.978.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.293.895.827	2.032.130.861
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(825.616.541)	(279.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.7	(468.359.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	761.539.895	555.052.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(532.435.646)	276.052.688

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14, V.16	(3.673.800.000)	(4.286.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.673.800.000)	(4.286.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.087.660.181	(1.977.916.451)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.006.241.235	11.984.157.686
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		16.093.901.416	10.006.241.235

Ngô Thị Bích Trâm
Người lập

Phan Trọng Thư
Kế toán trưởng



Phú Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Trần Minh Hoàng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thu gom rác, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình điện chiếu sáng, trạm biến áp và lưới điện trung và hạ thế, thi công, nạo vét, sửa chữa hệ thống thoát nước và công trình đô thị, công trình giao thông, cống rãnh vỉa hè; San lấp mặt bằng; Quản lý công viên, vệ sinh và bảo vệ môi trường; Dịch vụ phục vụ tang lễ; Mua bán hoa và cây xanh; Sản xuất các sản phẩm cơ khí, xe cơ giới, các loại xe thô sơ chuyên dùng; Duy tu và bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng đô thị; Mua bán thiết bị vệ sinh môi trường, vật tư cấp thoát nước; Vận chuyển chất thải, rác thải; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Lập hồ sơ mời thầu; Dịch vụ tư vấn thiết kế cây xanh đô thị, công viên, quảng trường, kiến trúc xanh, kiến trúc cảnh quan (hoạt động công ích); Dịch vụ tư vấn phát triển, quản lý đô thị; Tư vấn dự án về môi trường, hạ tầng đô thị, mô hình thu gom xử lý rác thải sinh hoạt và các dịch vụ hạ tầng đô thị khác; Sản xuất, mua bán, tiêu thụ phân compost; Trồng hoa, cây cảnh; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Ươm giống cây lâm nghiệp; Trồng rừng, chăm sóc cây lấy gỗ và cây rừng khác; Khai thác lâm sản (trừ gỗ và động vật sống).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay tăng so với năm trước chủ yếu do tăng doanh thu công trình xây lắp; doanh thu dịch vụ công cộng cũng gia tăng đáng kể góp phần gia tăng lãi hoạt động kinh doanh.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa	Khu phố 2 Thị trấn Hòa Vinh, Huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	Thu gom rác thải không độc hại, trồng cây xanh	100%		100%
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông cầu ^(*)	KP Long Phước Đông, Phường Xuân Phú, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	Thu gom rác thải không độc hại, trồng cây xanh	100%		100%

^(*) Công ty này chưa phát sinh số liệu kế toán do đang trong quá trình thành lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 305 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 302 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh tính trong giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 (năm) năm kể từ ngày Công ty chuyển sang cổ phần.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ (chủ yếu chi phí vật tư lắp đặt nước) đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm theo giá thành nước.

Chi phí khác

Chi phí quảng cáo, bảo hiểm được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí theo thời gian hiệu lực còn lại của các hợp đồng quảng cáo, bảo hiểm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Quyết định Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	185.393.269	86.937.609
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ^(*)	9.534.508.147	3.921.319.683
Các khoản tương đương tiền	6.374.000.000	5.997.983.943
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	6.374.000.000	5.997.983.943
Cộng	<u>16.093.901.416</u>	<u>10.006.241.235</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phòng Quản lý đô thị Thành phố Tuy Hòa	22.286.768.288	25.021.656.857
Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch	2.660.505.333	3.360.505.333
Ban Quản lý công viên biển	-	4.784.550.000
Ban quản lý các dự án Đầu tư Xây dựng Tỉnh Phú Yên	1.939.192.891	4.518.925.187
Trung tâm cung ứng dịch vụ công ích TP Tuy Hòa	2.652.955.000	-
BQLDA đầu tư và xây dựng Tp. Tuy Hòa	1.891.508.000	394.093.000
BQL Dự án ĐT&XD các công trình dân dụng Phú Yên	5.239.192.891	-
Các khách hàng khác	2.454.520.931	2.584.698.857
Cộng	<u>39.124.643.334</u>	<u>40.693.459.234</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần vận tải Thương mại xây dựng Đức Long	2.519.000.000	-
Ông Lê Phụng Tri	-	19.200.000
Các khách hàng khác	124.384.600	-
Cộng	<u>2.643.384.600</u>	<u>19.200.000</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	180.704.202	-	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô Thị Đông Hòa	180.704.202	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.130.025.734	-	1.743.324.227	-
Quỹ lương chi vượt	120.951.715	-	800.707.780	-
Tạm ứng	33.700.000	-	10.500.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	975.374.019	-	932.116.447	-
Cộng	<u>1.310.729.936</u>	-	<u>1.743.324.227</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>			-			-
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Tuy Hòa	Trên 3 năm	394.977.743	394.977.743	Trên 3 năm	6.482.162.000	6.482.162.000
Khách hàng khác	Trên 3 năm	145.576.725	-	Trên 3 năm	360.089.180	-
Cộng		540.554.468	394.977.743		6.842.251.180	6.482.162.000

Nợ xấu của Công ty bao gồm các khoản phải thu thương mại của khách hàng đã quá hạn thanh toán (chủ yếu là các khách hàng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước đang chờ quyết toán để thanh toán tiền dịch vụ của Công ty). Do vậy, một số khoản công nợ phải thu theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty không cần thiết phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Trong đó: Khoản phải thu từ các Dự án thực hiện - Phòng Quản lý Đô Thị Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên chưa được trích lập dự phòng là do Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Yên đang trình duyệt chi ngân sách có kế hoạch trả trong năm tiếp theo.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	360.089.180	145.576.725
Trích lập/hoàn nhập dự phòng bổ sung	(214.512.455)	214.512.452
Số cuối năm	145.576.725	360.089.177

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.535.365.643	-	4.182.012.715	-
Công cụ, dụng cụ	6.850.000	-	6.850.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.244.631.307	-	3.391.124.110	-
Thành phẩm	22.815.954	-	41.580.437	-
Hàng hóa	224.556.402	-	-	-
Cộng	17.034.219.306	-	7.621.567.262	-

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.279.730.622	11.655.811.507	23.049.417.729	179.507.766	49.164.467.624
Mua trong năm	131.980.177	313.636.364	380.000.000	-	825.616.541
Góp vốn vào Công ty con	-	(313.636.364)	(981.818.182)	-	(1.295.454.546)
Thanh lý, nhượng bán	-	(114.064.000)	-	(107.927.857)	(221.991.857)
Số cuối năm	14.411.710.799	11.541.747.507	22.447.599.547	71.579.909	48.472.637.762

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.070.050.316	10.444.175.143	13.318.445.002	179.507.766	27.012.178.227
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	12.608.729.240	10.763.697.866	16.941.683.258	179.507.766	40.493.618.130
Khấu hao trong năm	470.111.254	242.327.268	1.340.768.184	-	2.053.206.706
Góp vốn vào Công ty con	-	-	(981.818.182)	-	(981.818.182)
Thanh lý, nhượng bán	-	(114.064.000)	-	(107.927.857)	(221.991.857)
Số cuối năm	13.078.840.494	10.891.961.134	17.300.633.260	71.579.909	41.343.014.797
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.671.001.382	892.113.641	6.107.734.471	-	8.670.849.494
Số cuối năm	1.332.870.305	649.786.373	5.146.966.287	-	7.129.622.965
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

8. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4401055691 ngày 08 tháng 10 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Đông Hòa 4.500.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp vốn 781.995.364 đồng chiếm 100% vốn thực tế tại Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Đông Hòa, số vốn cam kết còn phải góp là 3.718.004.636 đồng.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Đông Hòa bắt đầu hoạt động kinh doanh và phát sinh doanh thu và lợi nhuận từ năm 2019.

Giao dịch với công ty con

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Đông Hòa như sau:

	<u>Năm nay</u>
Góp vốn bằng tiền	468.359.000
Góp vốn bằng tài sản cố định	313.636.364
Cho Công ty con mượn tiền hoạt động	175.367.472

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	735.529.266	64.482.501
Chi phí sửa chữa	428.788.679	-
Chi phí bảo hiểm	26.807.957	27.429.546
Lệ phí đường bộ	45.875.581	365.225.958
Chi phí khác	365.022.343	546.623.045
Cộng	<u>1.602.023.826</u>	<u>1.003.761.050</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bãi chôn lấp	-	1.292.872.577
Chi phí khác	16.527.776	-
Cộng	<u>16.527.776</u>	<u>1.292.872.577</u>

10. Phải trả người bán ngắn hạn**10a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
DNTN cây kiềng Đức Minh	1.174.666.653	-
Công ty cổ phần Xăng dầu - Dầu khí Phú Yên	472.387.995	162.317.690
Công ty TNHH TM DV Lương Thế Khang	464.800.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.581.677.219	681.880.100
Cộng	<u>3.693.531.867</u>	<u>844.197.790</u>

10b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Tân lập	500.000.000	155.805.000
BQL Dự án ĐT&XD các công trình dân dụng Phú Yên	3.300.000.000	-
Cộng	<u>6.800.000.000</u>	<u>155.805.000</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.192.919.001	-	4.411.479.456	(4.086.396.774)	1.518.001.683	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	28.100.966	1.469.216.674	(1.514.801.525)	-	-73.685.817
Thuế thu nhập cá nhân	17.313.713	-	28.372.066	(18.628.615)	27.057.164	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	329.137.450	(329.137.450)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp trong năm	Phải nộp	Phải thu
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	468.997	(468.997)	-	-
Cộng	1.210.232.714	28.100.966	6.241.674.643	(5.952.433.361)	1.545.058.847	73.685.817

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Lệ phí đất an táng và cải táng, lệ phí đất sanh phần, cho thuê xe tang, lệ phí nhà vệ sinh, dịch vụ cây xanh và chiếu sáng Không chịu thuế
- Cây xanh và cỏ 5%
- Các sản phẩm và dịch vụ khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.767.572.492	6.058.118.369
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	363.998.420	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	7.131.570.912	6.058.118.369
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.426.314.183	1.211.623.674
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	42.902.491	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.469.216.674	1.211.623.674

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Số dư cuối năm là quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quỹ lương kế hoạch và lương thực hiện năm 2019 được xây dựng dựa trên Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH. Kế hoạch kinh doanh được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Yên giao tổng doanh thu kế hoạch là 67 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế thu nhập Doanh nghiệp là 6,8 tỷ đồng.

14. Phải trả ngắn hạn khác

14a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về cổ phần hóa	485.793	485.793
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	87.969.754	75.969.754
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.943.515	-
Cộng	<u>90.399.062</u>	<u>76.455.547</u>

14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	808.754.573	1.122.805.540
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	1.774.927.933
Tăng khác (do hoàn nhập trích lập dự phòng năm trước theo Biên bản thanh tra)	171.609.964	-
Chi quỹ trong năm	(827.035.101)	(2.088.978.900)
Số cuối năm	<u>153.329.436</u>	<u>808.754.573</u>

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	61.430.000.000	634.681.479	4.914.333.238	66.979.014.717
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	4.846.494.695	4.846.494.695
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.774.927.933)	(1.774.927.933)
Chia cổ tức, lợi nhuận từ lợi nhuận năm 2017	-	-	(4.300.100.000)	(4.300.100.000)
Số dư cuối năm trước	<u>61.430.000.000</u>	<u>634.681.479</u>	<u>3.685.800.000</u>	<u>65.750.481.479</u>
Số dư đầu năm nay	61.430.000.000	634.681.479	3.685.800.000	65.750.481.479
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	5.341.258.309	5.341.258.309
Chia cổ tức, lợi nhuận từ lợi nhuận năm 2018	-	-	(3.685.800.000)	(3.685.800.000)
Số dư cuối năm nay	<u>61.430.000.000</u>	<u>634.681.479</u>	<u>5.341.258.309</u>	<u>67.405.939.788</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ đông Nhà nước (UBND Tỉnh Phú Yên)	56.079.000.000	56.079.000.000
Các cổ đông khác	5.351.000.000	5.351.000.000
Cộng	61.430.000.000	61.430.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Cổ đông Nhà nước (UBND Tỉnh Phú Yên)	56.079.000.000	91,29	56.079.000.000
Các cổ đông khác	5.351.000.000	8,71	5.351.000.000
Cộng	61.430.000.000	100,00	61.430.000.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.143.000	6.143.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.143.000	6.143.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.143.000	6.143.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã chia lợi nhuận năm 2018 số tiền 3.685.800.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 06/NQ-HĐQT ngày 27/6/2019.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ	46.342.321.586	46.342.321.586

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Doanh thu thuần	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ công cộng	51.623.253.996	42.468.664.039
Doanh thu dịch vụ công trình	25.996.238.675	13.090.786.079
Doanh thu dịch vụ vệ sinh công nghiệp	593.034.002	-
Doanh thu khác	4.621.322.874	7.597.996.356
Tổng cộng	82.833.849.547	63.157.446.474

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ công cộng	39.803.962.460	33.184.966.018
Giá vốn dịch vụ công trình	23.221.223.177	11.172.386.962
Giá vốn vệ sinh công nghiệp	554.018.922	-
Giá vốn khác	3.735.752.748	6.288.468.497
Cộng	<u>67.314.957.307</u>	<u>50.645.821.477</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	761.539.895	555.052.688
Cộng	<u>761.539.895</u>	<u>555.052.688</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.659.038.493	3.336.924.204
Chi phí vật liệu quản lý	230.757.187	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	592.669.087	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	370.141.452	495.289.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.537.404	-
Các chi phí khác	2.267.714.015	3.194.587.433
Cộng	<u>9.288.857.638</u>	<u>7.026.801.422</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	40.909.091	-
Thu phí hồ sơ mời thầu	9.455.046	18.749.106
Cộng	<u>50.364.137</u>	<u>18.749.106</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền bị phạt, bị truy thu, tiền chậm nộp	222.368.460	-
Chi phí khác	-	507.000
Cộng	<u>222.368.460</u>	<u>507.000</u>

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.138.314.815	16.752.604.214
Chi phí nhân công	28.820.851.420	26.898.053.957
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.053.206.706	3.374.910.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.381.444.302	2.730.368.088
Chi phí khác	2.972.581.666	7.867.495.174
Cộng	<u>86.366.398.909</u>	<u>57.623.432.092</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã góp vốn bằng tài sản cố định vào Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa (Công ty con) số tiền là 313.636.364 đồng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 823.592.428 VND (năm trước là 775.522.164 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Phú Yên)

Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Đông Hòa

Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Sông Cầu

Mối quan hệ

Cổ đông lớn, sở hữu 91,29% vốn chủ sở hữu của Công ty

Công ty con

Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch với Công ty con - Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Đông Hòa đã trình bày tại V.8. Công ty chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên số tiền 3.364.766.820 đồng (năm trước là 3.925.561.290 đồng).

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

- Dịch vụ công cộng: bao gồm dịch vụ vệ sinh, dịch vụ cây xanh và điện chiếu sáng;
- Dịch vụ công trình: bao gồm trồng và chăm sóc cây xanh, lắp đặt và tháo dỡ hệ thống điện chiếu sáng của các công trình.
- Sản phẩm và dịch vụ khác: bao gồm sản xuất và bán cây xanh, cộ đẩy rác, các sản phẩm phục vụ mai táng, dịch vụ phục vụ mai táng, dịch vụ vệ sinh, chăm sóc cây xanh...

Công ty không theo dõi riêng tài sản và nợ phải trả cho từng bộ phận nên không trình bày tài sản và nợ phải trả của từng lĩnh vực hoạt động.

	Dịch vụ công cộng	Dịch vụ công trình	Sản phẩm và dịch vụ khác	Phần quản lý chung	Tổng Cộng
Doanh thu thuần	51.601.252.996	25.975.124.130	5.214.356.876	-	82.790.734.002
Doanh thu tài chính	-	-	-	761.539.895	761.539.895
Thu nhập khác	-	-	-	50.364.137	50.364.137
Tổng doanh thu và Thu nhập khác	51.601.252.996	25.975.124.130	5.214.356.876	811.904.032	83.602.638.034
Giá vốn hàng bán	39.803.962.461	23.221.223.177	4.289.771.669	-	67.314.957.307
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	9.288.857.638	9.288.857.638
Chi phí tài chính	-	-	-	8.882.137	8.882.137
Chi phí khác	-	-	-	222.368.460	222.368.460
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	39.803.962.461	23.221.223.177	4.289.771.669	9.520.108.235	76.835.065.542
Lợi nhuận trước thuế TNDN	11.797.290.535	2.753.900.953	924.585.207	(8.708.204.203)	6.767.572.492

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Mặc dù số dư nợ phải thu khách hàng là Ủy ban nhân dân thành phố Phú Yên với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nợ phải thu nhưng Công ty đánh giá rủi ro tín dụng liên quan đến khách hàng này là thấp. Các khách hàng khác có số dư dưới 5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.093.901.416	-	-	-	16.093.901.416
Phải thu khách hàng	35.284.088.866	-	394.977.743	145.576.725	35.824.643.334
Các khoản phải thu khác	1.310.729.936	-	-	-	1.310.729.936
Cộng	52.688.720.218	-	394.977.743	145.576.725	53.229.274.686
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.006.241.235	-	-	-	10.006.241.235
Phải thu khách hàng	33.851.208.054	-	6.482.162.000	360.089.180	40.693.459.234
Các khoản phải thu khác	1.743.324.227	-	-	-	1.743.324.227
Cộng	45.600.773.516	-	6.482.162.000	360.089.180	52.443.024.696

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả người bán	3.693.531.867	-	-	3.693.531.867
Các khoản phải trả khác	241.429.405	-	-	241.429.405
Cộng	3.934.961.272	-	-	3.934.961.272
Số đầu năm				
Phải trả người bán	844.197.790	-	-	844.197.790
Các khoản phải trả khác	123.571.911	-	-	123.571.911
Cộng	967.769.701	-	-	967.769.701

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty là rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018.

4. **Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.093.901.416	-	10.006.241.235	-	16.093.901.416	10.006.241.235
Phải thu khách hàng	35.284.088.866	(145.576.725)	33.851.208.054	(360.089.180)	35.138.512.141	33.491.118.874
Các khoản phải thu khác	1.310.729.936	-	1.743.324.227	-	1.310.729.936	1.743.324.227
Cộng	52.688.720.218	(145.576.725)	45.600.773.516	(360.089.180)	52.543.143.493	45.240.684.336

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	3.693.531.867	844.197.790	3.693.531.867	844.197.790
Vay và nợ	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	241.429.405	123.571.911	241.429.405	123.571.911
Cộng	3.934.961.272	967.769.701	3.934.961.272	967.769.701

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

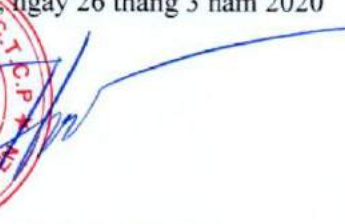
5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

6. Các Thông tin khác

- Căn cứ Quyết định Hội đồng quản trị số 12/QĐ-HĐQT ngày 04 tháng 10 năm 2018 về việc thành lập Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Đông Hòa do Công ty Cổ phần môi trường Đô Thị Phú Yên là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4401055691 ngày 08 tháng 10 năm 2018 cho Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô Thị Đông Hòa với vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2019 Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Đông Hòa là 781.995.364 đồng, số vốn cam kết còn phải góp là 3.718.004.636 đồng.
- Căn cứ Quyết định Hội đồng quản trị số 13/QĐ-HĐQT ngày 13 tháng 11 năm 2018 về việc thành lập Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Sông Cầu do Công ty Cổ phần môi trường Đô Thị Phú Yên là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4401056737 ngày 13 tháng 11 năm 2018 cho Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Sông Cầu với vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2019 Công ty chưa góp vốn vào Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Sông Cầu, số vốn cam kết còn phải góp là 4,5 tỷ đồng.

Phú Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2020

 Ngô Thị Bích Trâm Người lập	 Phan Trọng Thư Kế toán trưởng	 Trần Minh Hoàng Giám đốc
--	--	---





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Phú Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2020
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TRẦN MINH HOÀNG

11/11/2020